

BÀI GIẢNG LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Bài 1. VĂN MINH AI CẬP, LUỖNG HÀ, ÁN ĐỘ, TRUNG HOA.

I. Điều kiện hình thành.

1- Ai Cập

- **Ai Cập:** Lịch sử văn minh Ai Cập bắt đầu từ khoảng thiên niên kỷ IV(tr.CN) đến năm 30(tr.CN), bị biến thành một tỉnh của Đế quốc La Mã.

- Nằm dọc theo lưu vực sông Nin(Sông Nin dài 6700km, đoạn chảy qua Ai Cập khoảng 700km), với đồng bằng 7 nhánh sông đổ ra ĐTH hết sức màu mỡ, ở đây có lớp đất phù sa đen dày tới 10m. Lưu vực sông còn có một quần thể thực vật phong phú, đặc biệt là cây Papyrus, sông Nin còn cung cấp một lượng thủy sản phong phú. Đặc biệt ở đây còn có những loài động vật to lớn đặc biệt: cá thỏ bằng phổi, hà mã, cá sấu, chim ưng, tê giác, hổ báo... Sông Nin còn là huyết mạch giao thông quan trọng.

- Biên giới Ai Cập cổ vừa đóng vừa mở: Phía bắc là Địa Trung Hải, phía Nam là vùng thác nước lớn, Tây là sa mạc Libia, Đông là biển Hồng Hải.

- Phía đông và Tây là những rặng núi đá vôi dựng đứng, với những mỏ đồng, vàng, cùng với loài cây bách tùng tuyết xù đặc biệt tạo điều kiện thuận lợi để người Ai Cập cổ có những sáng tạo văn minh kỳ diệu.

+ - Xã hội:

- Cư dân cổ Ai Cập là người da đen bản địa châu Phi đồng hóa với tộc Ha mit từ Tây Á tràn xuống, tổ chất khỏe mạnh, thích nghi tốt với hoàn cảnh được nhân lên với khả năng đi lại đầy đó của người Ha mit, đã tạo nên những cư dân vạm vỡ rắn rỏi, thạo nghề nông nghiệp và sông nước(về sau trở thành mẫu hình chuẩn mực về cái đẹp khỏe khoắn không chỉ trong mỹ thuật Ai Cập mà cả Hy-La cổ đại).

- Từ nửa đầu thiên niên kỷ IV TCN, cư dân cổ Ai Cập sống tập trung thành các Nôm, do những Chúa Nôm đứng đầu, do hoàn cảnh sống mà người Ai Cập cổ có tập tục thờ cúng S.Nin và các con vật vùng sông nước, đồng thời rất coi trọng đến mức

sùng bái các Chúa Nôm. Những Chúa nôm có công thống nhất toàn Ai Cập trở thành Vua và được thần thánh hóa.

- Để có được sức mạnh trong quá trình trị thủy, chống ngoại xâm, cư dân cổ Ai Cập cần có tính thống nhất cao trong cộng đồng, và xây dựng bộ máy chính quyền tập trung quyền lực, điều đó tất yếu dẫn đến việc hình thành nhà nước tập quyền chuyên chế.

2-Lưỡng Hà

Nền văn minh Lưỡng Hà tồn tại và phát triển khoảng nửa đầu thiên niên kỷ IV tr.CN đến năm 539 tr.CN, bị tàn lụi.

- Nằm giữa 2 con sông rộng lớn Ti gơ rơ và Ơ phơ rat, hàng năm bồi đắp một lượng phù sa khổng lồ (lớn đến nỗi làm cho đất liền ở phía Nam Lưỡng Hà đã lấn ra sông phía vịnh Cô oét tới 200km), hết sức thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp, trồng nho, ô lưu và đại mạch... Hai con sông còn làm dịu đi cái nắng nóng như chảo lửa của các sa mạc xung quanh.

- Ở lưu vực 2 sông có loại đất sét làm đồ gốm rất tốt và còn là vật liệu cho ngành xây dựng. Ngoài ra còn có thứ cát để làm thủy tinh rất đặc biệt, có thể làm đồ dùng hay trang trí nhà cửa - Ở đây còn có một quần thể sinh vật nước phong phú, có loại cây chà là mọc thành rừng với rất nhiều công dụng: quả có lượng đường cao, hạt đun nấu thay than, lá đan đồ dùng, hoặc lợp nhà...

- Biên giới tuy khắc nghiệt nhưng không hiểm trở, phía Bắc là dãy Ác mê nia vào mùa băng tan thường đổ xuống một lượng nước như biển cả, phía Tây là sa mạc Syria nóng bỏng, phía Đông giáp Ba Tư (Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay), phía Nam là vịnh Péc xích, do đó thường xuyên hứng chịu những đợt thiên di, hay vó ngựa quân xâm lược tràn qua, vì thế Lưỡng Hà dù có khả năng tiếp biến văn minh rất cao, nhưng luôn xáo trộn và bất ổn định.

+ Xã hội:

-Những cư dân đến sớm là người Xu me, sau đó là người Ác cát, Sê mít đồng hóa với nhau tạo thành cư dân Lưỡng Hà cổ đa bản sắc. Quá trình đồng hóa với nhau cũng đồng thời là quá trình chinh phục lẫn nhau để sớm tạo nên những quốc gia thành thị độc lập ở Ua, Eritđu, Uc(Cô Oet), Ba bi lon(Bát đạ), ...Cư dân Lưỡng Hà cổ cũng rất sùng bái các hiện tượng tự nhiên(Đặc biệt xem Thượng đế là Đấng sáng tạo ra loài người và khai thiên lập địa...). Hơn nữa do điều kiện sống và trong quá trình tồn tại diễn ra nhiều cuộc chinh phục lẫn nhau giữa các quốc gia, nên cư dân vừa rất sùng bái các vị vua vừa rất ngưỡng mộ họ. Ở Lưỡng Hà các nhà nước cổ xuất hiện khá sớm khoảng đầu thiên niên kỷ III TCN, nhưng khó thống nhất được toàn bộ khu vực.

3. Ấn Độ

Nền văn minh Ấn Độ tồn tại và phát triển khoảng nửa đầu thiên niên kỷ III tr.CN phát triển liên tục đến ngày nay.

+ Tự nhiên

- Văn minh Ấn cổ hình thành ở lưu vực 2 sông: sông Hằng và sông Ấn, 2 con sông rộng lớn chảy ngược chiều nhau tạo nên những vùng đồng bằng rộng lớn thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp. Đặc biệt sông Hằng là con sông linh thiêng đối với cư dân Ấn Độ cổ.

- Vùng núi cao phía Bắc là dãy Hy ma lay a quanh năm tuyết phủ lạnh lẽo, hiểm trở và bí ẩn là nơi được coi là chỗ trú ngụ của các nhà hiền triết, tăng lữ các phái và của thần linh. Vùng cao nguyên Đê can là vùng rừng rậm có nơi còn hoang sơ như thưở khai thiên lập địa. Các vùng đồi núi khắc nghiệt và hiểm trở nhưng lại có một quần thể sinh vật vô cùng phong phú. Ấn độ còn là một khu vực giàu tài nguyên, khoáng sản thuận lợi cho phát triển các ngành nghề thủ công. Vùng mỏ phía Nam của tiểu lục địa lại có nhiều dãy núi với hơi nóng phả rất khắc nghiệt, khiến cư dân khó sinh sống nơi đây. Biên giới Ấn vừa đóng vừa mở.

+ - Xã hội:

- Cư dân cổ Ấn Độ là sự hòa huyết giữa người Đra vίδα da nâu đen và người Arian da trắng từ vùng biển Caxpien tới, trong quá trình hòa huyết họ định cư ở những vùng miền khác nhau lại có những đặc tính khác nhau. Từ Thiên niên kỷ III TCN, Do hoàn cảnh sống cư dân Ấn cổ tập trung trong những công xã nông thôn khép kín với hội đồng gia tộc cai trị, người đứng đầu có nhiều quyền hành, nhiều công xã hợp thành những đơn vị hành chính lớn mà người đứng đầu như những ông vua. Trong CXNT trải qua nhiều thế hệ tồn tại những luật tục trở thành những luật bất thành văn khắc nghiệt: Luật Ma nu: kết hôn sớm, đẻ nhiều con, luật tục Sati... và cả những quan niệm phân biệt nghiệt ngã: phân biệt màu da, nghề nghiệp. Sự phân biệt ấy được hợp thức bằng tôn giáo, nên nó tồn tại dai dẳng...Cư dân Ấn cổ do điều kiện sống có đặc tính cam chịu, vâng phụ, nhẫn nại, và tuyệt đối tin tưởng vào thần linh, họ thờ cúng và khiếp sợ trước mọi thần linh, đồng thời có khả năng phát triển tư duy triết lý sâu sắc.

4- Trung Hoa

Nền văn minh Trung Hoa tồn tại và phát triển khoảng nửa đầu thiên niên kỷ III TCN, phát triển liên tục đến ngày nay

+ Tự nhiên:

- Xuất hiện trên hai lưu vực sông: Hoàng Hà(5464km) và Trường Giang(5800km), với những đồng bằng rộng lớn: Hoa bắc, Hoa trung và Hoa nam màu mỡ rất thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp. Ở lưu vực 2 sông lại có một chất đất đặc biệt để trồng dâu nuôi tằm dệt ra một thứ tơ lụa tuyệt hảo. Ở đây cũng có thứ đất sét trắng để làm nên đồ gốm sứ gắn liền với tên nước Trung Hoa từ thời kỳ cổ đại. Hệ sinh vật cũng vô cùng phong phú với hàng ngàn cây làm thuốc quý, và vô vàn những động vật quý hiếm. Trung Quốc cổ cũng rất giàu khoáng sản cần thiết cho việc phát triển những ngành nghề thủ công đa dạng. Xung quanh lưu vực 2 con sông còn là những vùng đất rộng lớn cho phép cư dân cổ có thể mở rộng cương vực hình thành quốc gia rộng lớn của mình.

+ Xã hội :

- Cư dân cổ Trung Hoa là tộc Hoa Hạ. Xã hội Trung Hoa cổ tồn tại trên cơ sở những công xã nông thôn đặc biệt: trong một công xã(một làng) có nhiều chi họ, người trưởng họ có vai trò rất lớn. Mỗi gia đình là một tế bào của công xã, từng thành viên hòa vào cộng đồng, coi cộng đồng là cao nhất. Trong mỗi gia đình và xã hội, con trai, đàn ông được coi trọng. Ý thức cộng đồng thể hiện ra bằng tục thờ cúng tổ tiên rất được coi trọng. Xã hội Trung Hoa cổ đề cao người có học(Quân tử), đồng thời cũng đề cao nông nghiệp nên coi trọng cả nông dân/xem đó là cốt tủy của nhà nước. Cư dân cổ Trung Hoa cũng thờ cúng nhiều vị thần, thờ cúng thần Xã(Thần Đất), thần Tắc(thần lúa/nông nghiệp), cúng tế Trời(đàn tế trời), tục thờ cúng tổ tiên ...với những quy định nghiêm ngặt .

Để có được sức mạnh trong quá trình trị thủy, chống ngoại xâm, và không ngừng mở rộng lãnh thổ cương vực, cư dân cổ Trung Hoa cần có tính thống nhất cao trong cộng đồng, và xây dựng bộ máy chính quyền chuyên chế tập trung quyền lực cao độ, nhà nước cổ đại Trung Hoa đã sớm xuất hiện vào khoảng thiên niên kỷ III TCN.

vấn đề trao đổi:

1. *Nhận xét về điểm giống nhau và khác nhau về điều kiện hình thành các nền văn minh cổ phương Đông?*
2. *Những điều kiện tự nhiên và xã hội tác động gì đến các thành tựu văn minh*

II. Những thành tựu tiêu biểu

của các nền văn minh cổ đại phương Đông

1- Trình độ sản xuất và quản lý xã hội

+ Trình độ sản xuất:

- Để sinh sống và sản xuất nông nghiệp bên các trên sông, cư dân cổ phương Đông đã sớm biết làm thủy lợi. Vì đó yếu tố sống còn đối với các quốc gia cổ phương Đông, nó không chỉ góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp, gắn kết công xã, sớm dẫn đến hình thành nhà nước mà còn quyết định đến thịnh suy của các quốc gia. Cư dân cổ biết dẫn

thủy nhập điền bằng nhiều cách khác nhau: hồ Mơ rit, xe nước, cọn nước(Ai Cập), kênh đào Hăm – mu –ra - bi(Lưỡng Hà), đập nước Gir na, hồ nước và kênh dẫn nước(Ấn Độ), đào kênh phân lũ ở Trung Hoa...

- Trình độ sản xuất một số mặt hàng TCN cũng rất đáng kinh ngạc: chế tác vàng bạc để trang sức, trang trí xác ướp ở Ai Cập, làm đồ gốm, thủy tinh trang trí cung điện ở Lưỡng Hà, đúc cột sắt cao 7,25m, đường kính 40cm, nặng gần một tấn, rèn những thanh kiếm sắc ở Ấn Độ... Nhưng đặc sắc là tơ lụa, gốm sứ tuyệt hảo và nhất là Tứ đại phát minh của Trung Hoa.

- Sản xuất TCN đã bước đầu có quy mô với những phường hội thủ công, và việc giao lưu buôn bán phát triển rộng rãi ra ngoài biên giới: Ai Cập buôn bán tận Hy- La, Lưỡng Hà, Ấn Độ tới Lưỡng Hà, con đường Tơ lụa của Trung Hoa...

+ Trình độ quản lý xã hội

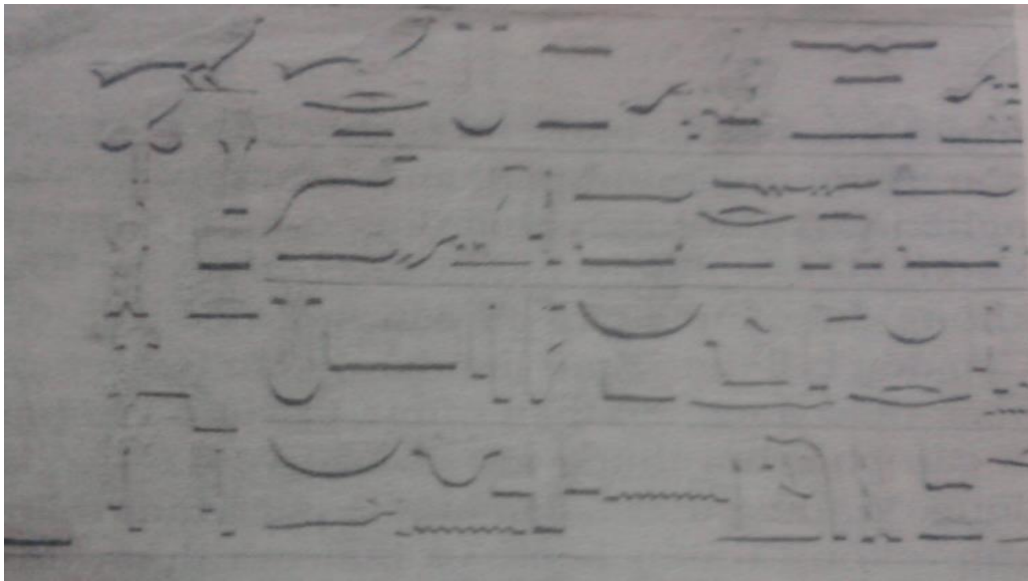
- Nhà nước phương Đông cổ ra đời sớm, và là các nhà nước quân chủ CCTW tập quyền. Vua có thể được gọi bằng những tên khác nhau: ***Pha ra ong, Pa tê xi(En xi), Ra gia, Thiên tử***... nhưng đó đều là người đứng đầu nhà nước được coi là con của Thần linh, thay mặt Thần trị vì thiên hạ nên có quyền lực tối cao và tuyệt đối. Ở mỗi quốc gia việc thần thánh hóa vua cũng có những nét khác nhau: Ở Ai Cập, vua là người ban phát sự sống, ở Lưỡng Hà: vua là người được Thần ưu ái tín nhiệm (Thần trao luật Ham mu ra bi), ở Ấn Độ: Vua đồng nhất với Thần sáng tạo(Thần chủ), ở Trung Quốc: Vua là con Trời.

Vấn đề trao đổi:

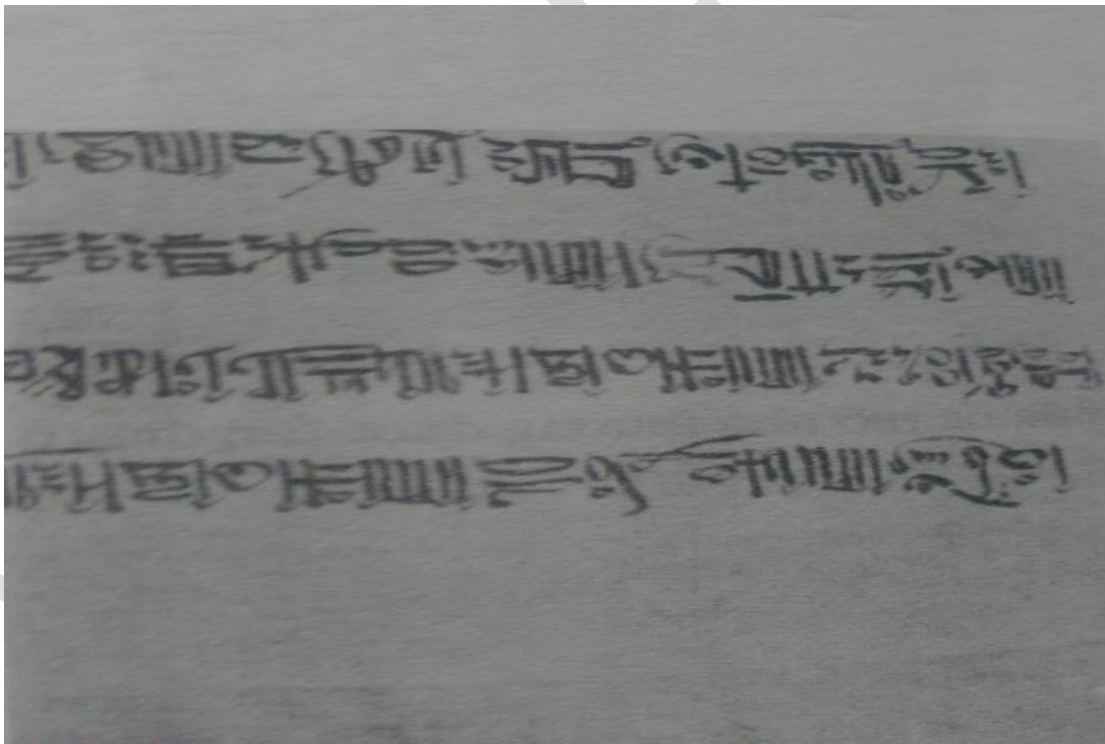
1. Vì sao các vua phương Đông cổ đại lại có quyền lực lớn như vậy?
2. Việc tập trung quyền lực vào tay các nhà vua có ảnh hưởng gì đến sự phát triển văn minh?

2- Chữ viết:

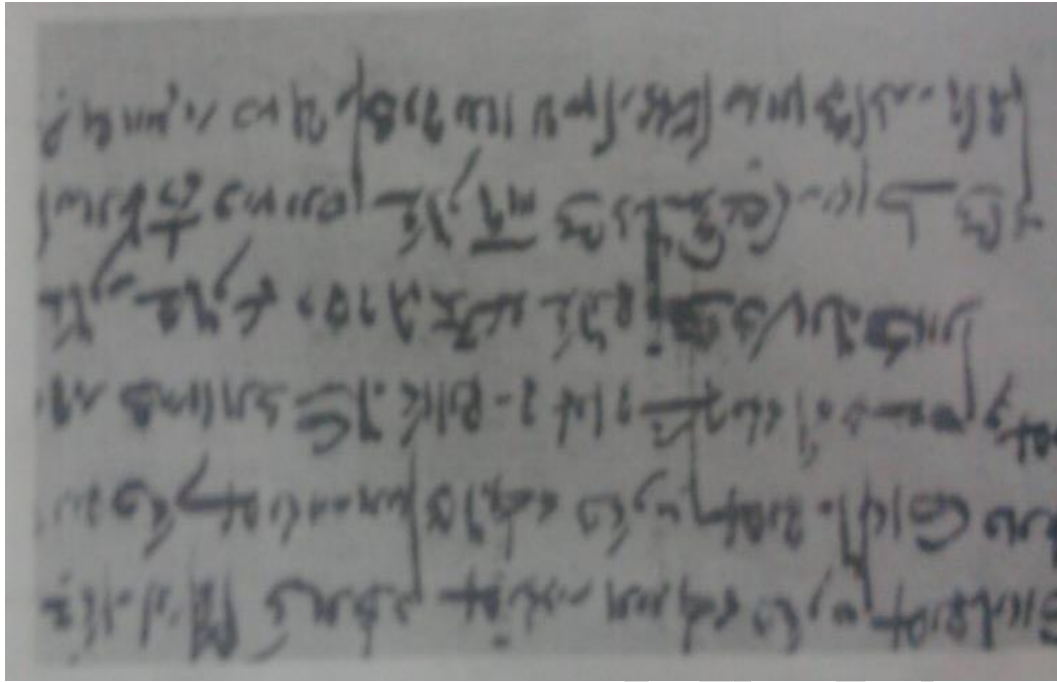
- Ai Cập :



Chữ tượng hình



Chữ thầy tu



Chữ bình dân

Chữ tượng hình, tượng ý, tượng âm, viết trên giấy Pa py rút. Từ những hình vẽ người Ai Cập cổ cấu tạo khoảng 750 ký hiệu tượng hình(nét) và 24 chữ gắn với quy định âm tiết(chữ cổ Ai Cập chỉ có phụ âm không có nguyên âm). Có 3 loại chữ: chữ chạm khắc linh thiêng(do Thư lại viết, rất khó), chữ thầy tu(viết đơn giản hơn, dễ hơn), chữ bình dân(đã lược bớt nét). Trong thời kỳ Hy Lạp hóa(322 tr.CN), chữ Ai Cập bị thay thế bằng chữ Hy Lạp và bị lãng quên(tử ngữ)

- **Lưỡng Hà:** .



Người Lương Hà cũng giản lược hình vẽ của Ai Cập thành các ký hiệu, viết trên đất sét/ chữ hình nêm từ đó cấu tạo âm tiết. Chữ viết của người Lương Hà được người Phê ni xi cải biến để thuận lợi trong giao dịch buôn bán, tiếp tục được người Hy Lạp, La mã kế thừa sâu sắc để tạo ra bộ chữ cái đẹp nhất hiện nay

Ấn Độ:

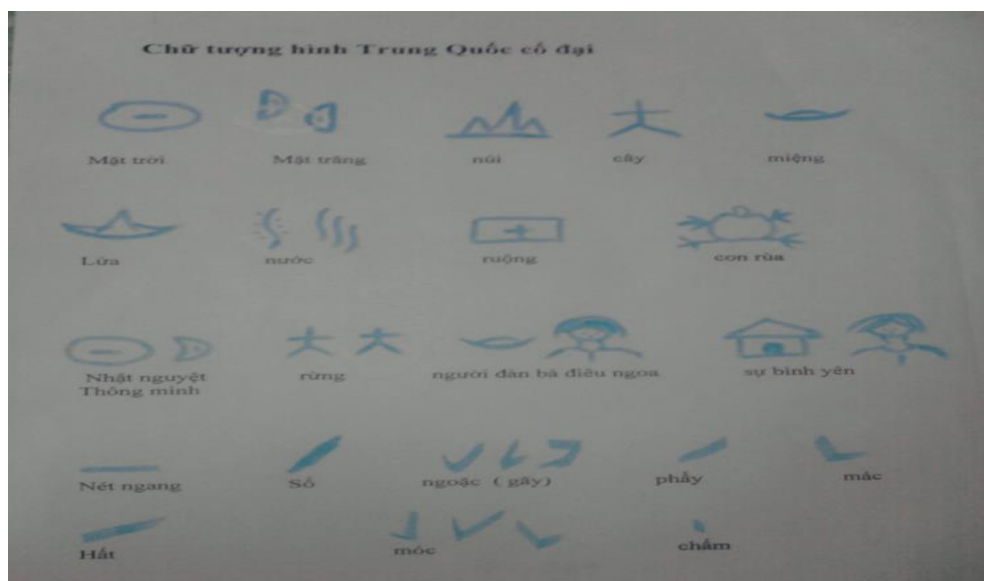


Chữ Phạn(San krit)

- Thời cổ có 1652 ngôn ngữ, ngày nay có tới 15 ngôn ngữ thường dùng, thứ chữ cổ nhất khắc trên con dấu xuất hiện khoảng 2000 TCN đó là chữ Kha rôt si, Bрами, sau đó từ các loại chữ này được cải biến thành chữ Phạn(San krit), chủ yếu dùng để chép kinh. Chữ Phạn tiếp tục được cải tiến, địa phương hóa thành nhiều thứ chữ khác nhau, phổ biến chính thức trong văn học và văn bản chính thức ở lưu vực sông Hằng, Tây và Nam Ấn...

Trung Hoa:

- *Chữ tượng hình:* từ đời Thương, viết trên mai rùa xương thú, thẻ tre, về sau viết trên lụa và giấy.



Quá trình hoàn thiện chữ viết của người Trung Hoa

Vấn đề trao đổi

1. Nhận xét về quá trình cấu tạo chữ viết của cư dân cổ Phương Đông?
2. Nét đặc thù trong quá trình hình thành chữ viết của mỗi nền văn minh?
3. Vai trò của cư dân cổ phương Đông đối với sự phát triển văn hóa chữ viết của nhân loại?

3. Tư tưởng và tôn giáo

- **Ai Cập và Lưỡng Hà:** tín ngưỡng nguyên thủy với việc sùng bái tự nhiên tồn tại rất lâu dài và chiếm địa vị quan trọng trong đời sống cư dân. Cư dân thần thánh hóa các hiện tượng tự nhiên: Cư dân Ai Cập thờ cúng Thần Mặt trời (Ra), Thần s. Nin, Thần Chim ưng, Hà mã, cá sấu, Người Ai Cập còn có tục thờ linh hồn Ka và do đó có tập tục ướp xác sau khi chết.

Cư dân Lưỡng Hà ở mỗi vùng thờ cúng thần riêng, nhưng còn thờ các Thần chung: Thần đất, Thần mặt trời, Thần bảo hộ nông nghiệp, Thần nước... Khi một tộc người nào đó mạnh lên thống nhất Lưỡng Hà thì Thần chủ của tộc người đó là Thần chủ của quốc gia.

- **Ấn Độ:** Ấn độ những thành tựu tư tưởng và tôn giáo hết sức đặc sắc, hòa lẫn đan xen khó mà phân biệt được tạo nên vẻ thâm trầm bí ẩn riêng;

- Triết học

Có rất nhiều trường phái nhưng tựu trung lại có 2 phái :

Phái Chính thống: với 6 hệ phái và phái tà giáo có 3 hệ phái.

Đặc điểm của triết học Ấn độ:

Đề cập đến tất cả các vấn đề cơ bản của triết học hiện đại, trong đó phần sinh động và giàu sức sống nhất là phần triết học nhân bản.

Triết học Ấn độ có hình thức biểu đạt, Triết học Ấn và tôn giáo đan xen với nhau, tạo nên vẻ đẹp thâm trầm và bí ẩn

Tư tưởng đặc sắc nhất trong triết học Ấn là tư tưởng về con đường giải thoát.

- Tôn giáo:

Ba la môn giáo: là tôn giáo đa thần cổ xưa nhất của Ấn độ, không có người sáng lập, không có tổ chức giáo hội. Tôn giáo này có những lễ nghi hà khắc: Nhân tế, Mã tế, tục Sa ti.

Đối tượng thờ cúng của tôn giáo này là đa thần trong đó quan trọng nhất là Thần sáng tạo, Thần hủy diệt và Thần bảo vệ. Giáo lý là các tập kinh Vê đa sớm và Vê đa muộn. Những tư tưởng đặc sắc của tôn giáo này là: Ta và Thần là một, Nghiệp báo luân hồi, Giải thoát và con đường giải thoát.

Hin đu giáo : là đạo Ba la môn phát triển lên. Trên cơ sở đạo Ba la môn, đạo Hin đu là sự phát triển cả về kinh điển, giáo lý, những lễ nghi, con đường giải thoát.

Điểm đặc sắc nhất của Hin đu giáo : đó là một tôn giáo mở, nó không ngừng tiếp thu những yếu tố ngoại lai. Con đường giải thoát với 2 xu hướng song song vừa túng đục vô độ vừa cao cả thanh tịnh cũng chính là một điểm độc đáo của nó, vì thế nó “ Vừa là một tôn giáo của nhà sư vừa là một tôn giáo của vũ nữ”. Đạo Hin đu vừa phản ánh đúng thực tại xã hội lại vừa có những điểm có lợi cho giai cấp thống trị nên nó bắt rễ sâu vào đời sống xã hội Ấn độ.

Đạo Phật

Ra đời vào thế kỷ VI như một sự phản kháng lại Hin đu giáo. Đối tượng thờ cúng là Đức Phật (một con người có thật được Phật hóa). Tam tạng kinh là kinh thánh của Đạo Phật, trong đó chứa đựng nhiều điểm đặc sắc: tư tưởng duy vật thô sơ ban đầu, thuyết Tứ thánh đế, tư tưởng bình đẳng bác ái, từ bi hỉ xả...

Ngoài những tôn giáo lớn trên đây Ấn Độ còn có hàng trăm tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, nhưng các tôn giáo tuy có những điểm khác biệt thì ngàn đời nay vẫn chung sống hòa bình với nhau, làm nên đời sống tâm linh vô cùng phong phú ở Ấn độ...”

Nhận xét

Vì sao Ấn Độ được mệnh danh là “xứ sở của Thần linh” ?

Tư tưởng triết học trung Hoa:

- Thời Xuân Thu chiến quốc có hàng trăm trường phái tư tưởng, nên gọi là “ Bách gia tranh minh”, trong đó có 6 trường phái đặc sắc có ảnh hưởng to lớn đến mọi

mặt đời sống xã hội Trung Quốc.: Âm - Dương gia, Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Danh gia, Mặc gia.

+ Âm dương gia:

- Phái này quan niệm vũ trụ do Âm - Dương tạo thành, hai yếu tố này tương tác với nhau tạo ra 8 yếu tố trong trời đất(Bát quái). Đồng thời trong vũ trụ cũng có 5 loại vật chất cần thiết: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ... Đây chính là quan niệm giải thích thế giới biện chứng thô sơ.

+ Nho gia:

- Do không Tử người nước lõ thời Xuân thu chiến quốc sáng lập, sau đó được các học trò của ông hoàn chỉnh.

- Những tư tưởng tiêu biểu:

Thuyết Thiên mệnh: quan niệm Trời sắp đặt tất cả, cho nên con người phải tuân phục vâng mệnh Trời. Ngôi vua cũng do trời sắp đặt, vua thay Trời hành đạo.

Tư tưởng về việc xây dựng một xã hội bình đẳng, Đại đồng, lấy dân làm gốc ‘ Quốc dĩ dân vi bản’, ‘ Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh’, tư tưởng ‘ Chính danh định phận’,

Tư tưởng đức trị, chủ trương dùng đạo đức để cai trị, hạt nhân của Đức trị là Nhân và Lễ. Nhân là những phẩm chất của người có học, người quân tử, Lễ là những quy phạm về đạo đức, và những ứng xử hàng ngày. Đức trị còn đòi hỏi người có học phải có các phẩm chất : Tam cương, Ngũ thường, Lục kỷ, Nhân – Nghĩa- Lễ - Trí – Tín.

Tư tưởng đặc sắc nhất là về giáo dục với những quan điểm tiến bộ đi trước thời đại: học tập để bồi dưỡng nhân tài, uốn nắn nhân cách, ai cũng được học không phân biệt, học phải kiên trì, khiêm tốn, học đi đôi với hành, phải khách quan... Những quan niệm giáo dục của Khổng Tử mặc dù cách xa với thời đại chúng ta đang sống, nhưng đến nay nó vẫn có những giá trị nhất định, chính vì thế Ông được tôn vinh là Vạn thế sư biểu, Chí Thánh tiên sư...

+ Đạo gia:

Do Lão tử (nước Sở- XTCQ), sau đó được Trang tử phát triển lên.

Tư tưởng triết học: đưa ra quan niệm “ Đạo” và “ Đức “ để giải thích thế giới. Đạo là nguồn gốc sinh ra mọi vật, Đức là các dạng tồn tại của mọi vật

Phái Đạo gia chủ trương cai trị theo quan niệm “ Vô vi nhi trị “, “ Tiểu quốc quả dân” Vô tri vô dục”.

Thời Đông Hán, tư tưởng của phái này đi sâu vào quần chúng nghèo khổ, dẫn đến sự hình thành các tôn giáo : Đạo Thái bình, Đạo Thần tiên(sinh ra phép Khí công, tinh cốt, luyện đan), đạo giáo với các Đạo sĩ làm bùa chú, ma thuật...

+ Mặc gia:

- Do Mặc tử, người nước Lỗ(XTCQ) sáng lập. Hạt nhân tư tưởng của phái này là Thuyết Kiêm ái, Phi công, Phi nhạc, Tiết dụng, Tiết táng, Thượng hiền, Phi mệnh.

- Đặc biệt phái này đã đưa ra một số khái niệm sơ khai về Logic: lý do, ví dụ, so sánh, quy nạp, suy luận, các loại sự vật...đó là những cơ sở cho môn Lô gic học sau này.

+ Pháp gia :

- Do Quản trọng và Hàn phi tử (nước Hàn/XTCQ) sáng lập. Phái này chủ trương cai trị bằng pháp luật mới an dân được, bởi nếu cai trị bằng tình thương lâu ngày dân sẽ nhờn với phép nước. Muốn vậy phải có:

- Pháp : pháp luật, đó là những văn bản luật pháp thành văn của quốc gia, như khuôn vàng thước ngọc, dùng pháp luật cai trị phải theo đúng nguyên tắc “ Quân pháp bất vị thân”, pháp luật dùng tuy theo hoàn cảnh chứ không được tùy tiện. Dùng luật pháp cai trị phải dứt khoát, khi án đã tuyên dù có tổn thất cho giới cầm quyền cũng phải thi hành.

- Thuật : là nghệ thuật cai trị hư hư thực thực, là khả năng quyền biến của người cai trị, càng không rõ mặt càng tốt, có sự phân biệt đối tượng, sử dụng linh hoạt nhiều cách nhưng phải kiên quyết...

- Thế : là uy thế của người cai trị , được tạo ra trong một thời gian lâu dài...

Nhận xét:

1. Vì sao tư tưởng triết học Trung Hoa lại nở rộ thời Xuân thu chiến quốc?
2. Ảnh hưởng của Nho giáo ở Việt Nam?

4. Khoa học và kỹ thuật:

a. Khoa học:

- **Thiên văn và lịch pháp:** xuất phát từ việc lấy nông nghiệp làm nghề sinh sống chính, muốn cho nông nghiệp phát triển phải biết quan sát thời tiết, mực nước các con sông...do đó họ đã lược vẽ bản đồ các chòm sao, và có những kiến thức quan trọng về các hiện tượng động đất, nhật thực, nguyệt thực, sao Chổi, sao Băng...Đặc biệt là làm ra các bộ lịch rất sớm : *Lịch S.Nin*(lịch Dương cổ nhất) chia 1 năm 365 ngày, 3 mùa, mỗi mùa 4 tháng, mỗi tháng có 30 ngày, 5 ngày còn lại nhà vua quy định dồn vào cuối năm làm ngày lễ. *Lưỡng Hà* có Âm lịch với 1 năm có 354 ngày, có 6 tháng đủ(30 ngày) và 6 tháng thiếu(29 ngày). Số ngày thiếu so với dương lịch do nhà vua quy định tháng nhuận bất kỳ(về sau cố định theo chu kỳ). Với Ấn Độ Thiên văn lịch pháp là lĩnh vực phải phục vụ cho nhu cầu thờ cúng nhiều nhất, nên khá phát triển, *Lịch Ấn Độ* chia 1 năm là 12 tháng, mỗi tháng 30 ngày, cứ 5 năm thì thêm một tháng nhuận.

Trung Hoa có một nền Thiên văn học và lịch pháp vừa có nhiều thành tựu vừa rất độc đáo: bản đồ về 800 ngôi sao, hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, các dụng cụ để đo hiện tượng động đất, quan sát sao trời...Người Trung Hoa có bộ Âm - Dương hợp lịch 12 tháng. Tháng đủ 30 ngày, tháng thiếu 29 ngày, 4 năm có tháng nhuận. Họ cũng có cách ghi ngày, tháng, năm độc đáo(Can, chi, nhật, nguyệt) với nhiều tiết trong năm, nhiều ngày đặc biệt để thực hiện các lễ tế...

Trên cơ sở phân chia ngày tháng theo lịch, cư dân cổ còn biết chế tạo các dụng cụ để đo thời gian: đồng hồ nước(Ai Cập sớm nhất), đo bóng mặt trời...

- **Toán học:**

Do nhu cầu thường xuyên đo đạc lại ruộng đất, xây cất nhà cửa, các công trình kiến trúc, tính toán thu nhập của nhà nước hay tư nhân... cư dân cổ đã có những kiến thức nhất định về toán học.

Người Ai Cập sáng tạo ra chữ số, hệ đếm với 10 đơn vị, các phép tính cộng trừ, nhân chia, số $\pi=3.16$, cách tính diện tích các hình...

Người Lưỡng Hà có hệ đếm lấy 60 làm đơn vị, biết các phép tính số học, số $\pi=3.0$. cách tính diện tích các hình, phép khai căn, giải phương trình 3 ẩn số....

Người Ấn Độ cách tính diện tích các hình, định lý Pi ta-go, phép tính lượng giác, số $\pi= 3,14$, đặc biệt phát minh ra số 0 và số thập phân/ một cống hiến quan trọng trong toán học. Toán học cũng được sử dụng nhiều để phục vụ cho nhu cầu của tôn giáo như tính ngày để hành lễ, đo đạc tính toán để kê bàn thờ cúng.

- *Toán học Trung Hoa* có những thành tựu to lớn : số thập phân, Định lý pi ta go, phép tính bình phương, số $\pi=3,1415926$ và $3,1415927$... với các nhà toán học xuất sắc : Tô Xung Chi, Tô Cảnh Chi, Lưu Huy... Người Trung Quốc cũng đã tổng kết các tri thức toán qua những bộ sách : Chu bễ toán kinh, Cửu chương toán thuật.

- **Y học:**

Người Ai Cập cổ đại thực sự đã làm loài người kinh ngạc bởi những hiểu biết khá tường tận về cơ thể người, biết chữa nhiều loại bệnh(dạ dày, đau mắt, bệnh phụ nữ, phẫu thuật...), và kỹ thuật ướp xác đặc sắc của mình.

Người Lưỡng Hà lại bổ sung vào kho tàng y học nhân loại cách chữa trị các bệnh về hô hấp, thần kinh, đau mắt rất khoa học. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn cách chữa bệnh bằng mê tín, ma thuật, bùa chú, hay tránh chữa bệnh vào những ngày xấu. Người Lưỡng Hà tôn thờ thần y học với biểu tượng con rắn quấn quanh cây gậy, về sau đã trở thành biểu tượng của ngành y.

Trong lĩnh vực y học: người Ấn đã chế ra được thuốc an thần, thuốc mê. Người Ấn rất thích chữa bệnh bằng thảo dược hay các cách của dân gian: cho kiến cắn vào vết thương. Tuy vậy họ cũng có những cách chữa bệnh rất giỏi : mổ lấy thai nhi, chữa rắn cắn...

-Y học Trung Hoa cổ đại có những thầy thuốc tài giỏi: Biển Thước, Hoa Đà, Trương Trọng Cảnh, Thuần Vu Y... với các Bộ sách y học lớn : Thương hàn tạp bệnh, Hoàng đế nội kinh. Đặc biệt người Trung quốc có cách chữa bệnh bằng Đông y độc đáo: chữa theo quan niệm Âm – Dương, Ngũ hành, theo dân gian, bằng thảo dược...

Âm – dương: sức khỏe tốt là Âm Dương cân bằng, sức khỏe không tốt là do Dương chứng(nóng quá) Âm chứng(lạnh quá)...

Ngũ hành: 5 hành tương ứng ngũ tạng (5 cơ quan quan trọng trong cơ thể). Các hành tương sinh, tương khắc với nhau, khi Thầy thuốc chữa bệnh cần phải biết về điều đó: Hỏa Mộc Thủy Kim Thổ = Tâm Can Tì Phế Thận(Tim, Gan, Lá lách, Phổi, Thận)

Dân gian : châm chích, chườm, cứu, dưỡng sinh, luyện khí công

Chữa bệnh bằng thảo dược: dùng cây cỏ làm thuốc...

b. **Kỹ thuật**:

Cư dân cổ phương Đông có những phát minh kỹ thuật đặc sắc đi trước thời đại: luyện kim, làm cần trục, con lăn, bơm nước, đóng các loại thuyền, chế tạo các loại vũ khí...

Trung quốc đã đi trước phương Tây với nhiều phát minh kỹ thuật lớn. Nhưng 4 phát minh sau đây xứng đáng được gọi là Tứ đại phát minh bởi nó đã đưa đến những biến chuyển lớn lao khi du nhập sang phương Tây.

- *Giấy viết* là phát minh của quan hoạn Thái luân năm 105, khi ông dùng vỏ cây, lưới cũ, giẻ rách giã nhỏ tạo ra một thứ giấy khá dai để viết thay cho các loại giấy nặng nề tồn kém trước đây... Tuy nhiên ở TQ giấy chỉ dùng chủ yếu chép kinh, dành cho phái Nho gia. Nó thực sự đẩy mạnh sự phát triển văn hóa giáo dục khi sang phương Tây

- *Nghề in*: từ thế kỷ VI người TQ đã có kỹ thuật in bằng ván khắc, nhưng có nhiều hạn chế, sau đó Tất Thăng đã cải tiến in bằng chữ rời(thế kỷ XI) bằng đất nung, về sau liên tục cải tiến thành chữ bằng đồng hay chì... Kỹ thuật in cũng chỉ bó hẹp trong việc in sách kinh, trong giới có học. Thế kỷ XIII- XIV khi sang phương Tây nó thực sự tạo ra một cuộc cách mạng...

- *Thuốc súng* là phát minh xuất phát từ phái Đạo giáo khi họ luyện viên thuốc trường sinh bất lão. Người TQ ứng dụng để làm pháo bay, đạn bay, cầu lửa có sức nổ lớn, chủ yếu dùng để đánh nhau, làm pháo thăng thiên trong lễ hội, cúng bái... Phương Tây tiếp thu lại làm ra nhiều thứ vũ khí mới, thay đổi hẳn kỹ thuật quân sự, chiến thuật chiến tranh, công phá hiệu quả các lâu đài lãnh chúa.

- *La bàn*: lúc đầu người TQ mài đá nam châm thành hình cái thìa để chỉ hướng= gọi là cái tư nam. Về sau họ mài kim sắt lên đá nam châm rồi cấu tạo thành la bàn đơn giản đầu tiên: la bàn ướt, la bàn khô. La bàn ở TQ chủ yếu để xem hướng nhà, hướng đất trong bói toán, bước đầu được nhà hàng hải Trịnh Hòa dùng đi biển. Nhưng người phương Tây đã cải tiến thành la bàn có hình dạng như ngày nay, mở ra thời đại phát kiến địa lý sôi nổi ở Tây Âu trung đại

5. Nghệ thuật phương Đông Cổ đại

Nghệ thuật Ai Cập:

- Nghệ thuật Ai Cập cổ với 3 thể loại: bích họa, điêu khắc và kiến trúc. Bích họa là những tranh vẽ trên tường cung điện hay hầm mộ, có gam màu tự nhiên tươi tắn trong sáng, dù còn mang tính chất ước lệ nhưng vẫn có tính nghệ thuật cao. Kiến trúc cổ Ai Cập nổi bật với các đền thờ các vị thần, cung điện nhà vua, lăng mộ... nhưng đặc sắc nhất chính là các Kim tự tháp. Kim tự tháp được xây dựng nhiều từ thời kỳ cổ vương quốc ở Tây Cai rô ngày nay, về sau ở vùng thượng nguồn sông Nin. Trong đó ở Ghi dê có 3 kim tự tháp lớn nhất(Kê ốp, Kê phren, Mi kê ri). Điêu khắc Ai Cập cổ phát triển với thể loại tượng bán thân hay toàn thân đặc tả nhân vật: hoàng hậu Nê phéc ty, xã trưởng Bơ lép, viên thư lại...

Nghệ thuật Lương Hà cổ với các loại hình: kiến trúc điêu khắc gắn chặt với nhau. Công trình kiến trúc nổi tiếng nhất là thành Ba bi lon, vườn treo Ba bi lon được trang trí bằng gốm men màu trắng lợt. Tượng các vị thần cũng là những tác phẩm điêu khắc tiêu biểu

Nghệ thuật Ấn Độ:

Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, hội họa đan xen vào nhau rất đặc sắc với nhiều phong cách, hình thức biểu đạt phong phú, đượm chất men tôn giáo và đậm đà bản sắc dân tộc. Nhưng tiêu biểu nhất là các phong cách

Phong cách Phật giáo:

Với các tháp Phật(để thánh tích hay xá lị phật), xây theo triết lý nhà Phật: hình bát úp trên nền vuông, ba xà ngang, bánh xe luân hồi, con voi trắng...xung quanh tháp có chạm khắc nổi hoa lá, chim muông, những thiên thần...

Các chùa Phật có nhiều ở Trung Ấn chịu ảnh hưởng sâu sắc của Hy Lạp Ba Tư cũng được xây dựng theo triết lý nhà Phật, đặc sắc nhất là dãy chùa hang At gian ta...

Phong cách Hin đư giáo:

Tháp Hin đư giao thường được tạc nguyên khối đá, theo triết lý Hin đư giáo....Các đền thờ của Hin đư giáo vô cùng đồ sộ, hùng vĩ, dày đặc ở khắp nơi mô tả cuộc sống đời thường phóng túng, bên cạnh những thầy tu trầm tư ...Quần thể đền thờ ở Trung Ấn với 80 ngôi , được coi là tiêu biểu nhất của phong cách Hin đư giáo.

Phong cách Hồi giáo:

Phong cách Hồi giáo lại thoáng đạt hoàn mỹ đến từng chi tiết, xây dựng theo triết lý đạo Hồi đặc sắc: vòm củ hành, móng ngựa, vành trăng lưỡi liềm, con số 4 và bội số của nó...Công trình đặc sắc và hoàn mỹ nhất chính là khu lăng mộ Ta giơ ma han ở Tây bắc Ấn

Tóm lại: các công trình kiến trúc Ấn đều thấm đượm bản sắc văn hóa dân tộc, chất men tôn giáo, là sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa những khát vọng thánh thiện và những đam mê trần thế.

Nghệ thuật Trung Hoa

Hội họa

- Chất liệu: Lụa, giấy, vách tường, hang động, đồ gốm...

- Phong phú về thể loại: Tranh thể hiện phẩm chất của người quân tử/văn nhân họa: thường lấy đề tài Sơn thủy, Tứ hoa (Mai -Lan – Cúc – Sen), Tứ chim(Yến, Oanh, Công, Phượng)

Tranh dân gian: tứ dân(Sĩ nông công thương), lục súc(Lợn gà, Trâu, chó, dê, ngựa)

Tranh treo tết(Phật, Thánh Nhân, tranh Bốn mùa, Ngũ quả...), tranh thờ(Ông bà, Tổ tiên, Phật, Thần, Thánh nhân Quân tử...),

Tranh lễ hội: Về các lễ tết trong năm, đặc biệt về tết Thanh minh với bức tranh nổi tiếng Thanh minh thượng hà đồ, đó là bức tranh vẽ cảnh tảo mộ du xuân ở Hà nam.

Tranh lịch sử : vẽ về các triều đại, các trận đánh nổi tiếng, về 18 anh hùng Lương sơn bạc..

Tranh về các tôn giáo, các trường phái tư tưởng... đặc biệt về đạo Phật có Bức họa Đôn hoàng nổi tiếng ở Cam túc, Về đạo giáo có Bức họa Vĩnh lạc ở tỉnh Sơn Tây 843 m2

- Phong cách (bút pháp)thể hiện:

Phong cách thủy mặc: dùng mực tàu để vẽ, được xem là Quốc họa, rất nổi tiếng. Người họa sĩ dùng bút lông chấm mực tàu để phẩy lên lụa hay giấy tạo nét đậm nhạt khác nhau tạo ra những bức tranh như có nhiều màu rất sinh động, phong cách Thủy mặc thường dùng để vẽ người có học

Phong cách kết hợp Thơ – Họa- Thư pháp, tăng sức truyền cảm cao của bức tranh. phương pháp đặc sắc này thường được nhà Vua ra đề thi cho các Họa gia là những câu thơ để vẽ, nhờ đó đã có những bức tranh tuyệt tác...

Phong cách kết hợp bút pháp tả thực và gọi tả, tức là vừa vẽ tổng thể các nét của bức tranh, nhưng vừa nhấn mạnh cái Thần của bức tranh, để qua đó khắc họa chủ đề tư tưởng của một bức tranh(nếu vẽ cảnh), hoặc tính cách nhân vật (nếu là tranh chân dung).

+ Kiến trúc

- Đặc điểm tiêu biểu:

Tôn trọng, hài hòa với tự nhiên, vật liệu chủ yếu lấy từ tự nhiên(đá, gỗ) ẩm về mùa đông, mát về mùa hè, chịu lực tốt, bền vững, tiện thi công(cưa, cắt, đục đẽo...)

Trình độ kỹ thuật và mỹ thuật cao: hệ thống xà ngang, xà dọc, vì kèo, rui, mè, đố, đấu hợp lý tuân thủ các nguyên tắc hình học nhất định...Trang trí công trình với những mảng màu độc đáo: màu xanh lưu ly, vàng sậm, huyết dụ...

Thể hiện những quan niệm triết lý sâu sắc: một công trình dù là nhà ở của thường dân hay cung điện của nhà vua cũng phải tuyệt đối tuân thủ những nguyên tắc mang tính chất triết lý sâu sắc: triết lý **Hữu và Vô, Tiền điện hậu tẩm, Tả tổ hữu xã, Tông pháp, Nam nữ hữu biệt, Trưởng Ấu tôn ti, Tam hợp viện, Tứ hợp viện**. Việc phối màu một công trình cũng phải tuân thủ nguyên tắc : thường dân màu xám, tối, Cung điện nhà Vua, quan lại màu đỏ rực , màu đỏ sẫm, vàng, xanh lưu ly...

Thể hiện nguyên tắc tôn vinh quyền lực chính trị: nhà dân thường không dùng màu đỏ, vàng, lưu ly, không được xây cao có bậc thềm, không có chõng đấu trên mái, không có sân rộng, không chạm trổ các con vật quý(tứ linh: long , ly quy , phượng).

Thể loại hết sức phong phú,

Công trình tôn vinh quyền lực chính trị: Cung điện, lăng tẩm, kinh đô... Công trình tôn vinh tôn giáo: Chùa, tháp, đàn tế trời đất.. Công trình thờ phụng danh nhân các trường phái tư tưởng: Đền thờ, di tích... Công trình quốc phòng: thành cổ, tháp

canh, Vạn lý trường thành. Công trình đô thị; các đô thị cổ nổi tiếng: Lạc Dương (Hà Nam), Thảm Dương (Liêu Ninh), Nam kinh, Khai phong (Hà Nam)...

+ **Điều khắc** : có Mộc điêu, Thạch điêu, Ngọc điêu... Có những tác phẩm tuyệt tác từ kích thước nhỏ nhất đến đồ sộ nhất: Tượng Phật ở Lạc Sơn . Đặc sắc nhất là nghệ thuật Ấn chương, Triện khắc. Cũng có khi chỉ khắc chữ theo lối thư pháp để trang trí hay làm đồ gia bảo.

Bài 2. VĂN MINH Ắ RẬP

1. Cơ sở hình thành:

a. Tự nhiên:

- + Ắ rập nằm ở phía tây của vùng cận đông, với 3 vùng địa hình khá rõ rệt:
 - Vùng ven biển Hồng Hải, là khu vực thuộc đế chế La mã xưa kia, có nhiều thành phố buôn bán sầm uất: Méc ca, Ya sơ rip, ...
 - Miền ven biển phía Nam (ngày nay là Yê men), có nhiều đồng cỏ tươi tốt , với nguồn nước thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi đại gia súc (nhất là ngựa Ắ rập).
 - Khu vực sâu trong bán đảo thỉnh thoảng có những sa ốc, là những trạm dừng chân của các đoàn buôn, còn cư dân ở đây thì chợ hàng hay dẫn đường thuê...
- + Biên giới Ắ rập tuy khắc nghiệt nhưng không hiểm trở, Ắ rập lại nằm ở ngã ba giao lưu đông Tây do đó có điều kiện tiếp xúc với các nền văn minh xung quanh.
- + Ắ rập không nhiều khoáng sản, nhưng bù lại , do buôn bán rộng rãi, hơn nữa trong quá trình phát triển do bành trướng mạnh mẽ về lãnh thổ nên có điều kiện bổ sung nhiều tài nguyên khoáng sản phục vụ cho việc phát triển kinh tế.

Tóm lại Ắ rập có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng một nền văn minh toàn diện phong phú, lại ra đời muộn do đó có thể kế thừa nhiều thành tựu của các nền văn minh.

a- Cư dân:

-Tộc Xê mít (vốn là dân du mục trên sa mạc), khi tràn xuống đây đã tỏ ra rất thích nghi với điều kiện sống, nên nhanh chóng phát triển, đặc biệt về lĩnh vực buôn bán và khả năng đi chinh phục.

- Do có các vùng địa hình khác nhau nên , tổ chức xã hội của cư dân ở các vùng khác nhau cũng rất khác nhau, trình độ cũng rất khác nhau. Cư dân Ả rập vẫn đang theo tập quán tín ngưỡng Đa thần, đặc biệt tại các thành phố, có nhiều vị thần do thương nhân các nơi mang đến, do vậy đám tăng lữ sống rất giàu có. Thành phố Méc ca là điển hình nhất, nhưng ở đây có một một đền thờ chung của cả bộ lạc(đền Caa ba – đền nhà trời) thờ phiến đá đen, thương nhân và cư dân các nơi tuy có Thần riêng vẫn đến đây hành lễ.

- Vào thế kỷ VII, do vị trí giao thương quan trọng mà Ả rập trở thành nơi tranh chấp của Ba tư, và Thổ nhĩ kỳ liên tục. Sau đó người Ba tư đã chiếm được phía nam khống chế con đường buôn bán của thương nhân qua đây. Tình hình đó làm cho việc buôn bán của Ả rập giảm sút. Yêu cầu thông nhất bán đảo, chống quân xâm lược Ba tư đã được đặt ra cấp bách.

- Trong bối cảnh đó năm 610 Mô ha mét đã bắt đầu truyền bá đạo Hồi thờ Thánh Ala, chủ trương thành lập đạo quân Thánh chiến chống xâm lược thống nhất đất nước. Tăng lữ Méc ca do thấy lợi ích bị thiệt hại đã xua đuổi ông. Mô ha mét phải chạy lên Ya sơ ríp, đạo quân Thánh chiến ngày càng đông do khi chiến thắng , Ông cho đem của cải chia cho họ, tiếng tăm của ông càng lan rộng, tôn giáo do ông truyền bá ngày càng có đông tín đồ. Nhiều bộ lạc trong các sa ốc, quý tộc các thành phố cũng bắt đầu hưởng ứng đông đảo. Sự thành lập nhà nước Ả rập thống nhất đã trở thành hiện thực, trong hoàn cảnh đó quý tộc Méc ca đề nghị thương lượng với Mô ha mét về việc hợp nhất. Kết quả là năm 630, nhà nước Ả rập thống nhất đã ra đời. Ả rập bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ.

2- Quá trình lịch sử

- Từ thế kỷ VII- VIII: là thời kỳ củng cố và hoàn thiện nhà nước, đây là thời kỳ Ả rập thu nhận các thành tựu văn minh từ bên ngoài vào, hay còn gọi là thời kỳ biên dịch.

- Từ thế kỷ IX- XIII: là thời kỳ Ả rập phát triển lên đến đỉnh cao, lãnh thổ vượt qua 3 châu Á – Âu – Phi, nền kinh tế hết sức phát triển, Đạo hồi truyền bá rộng rãi, về phương diện văn minh, là thời kỳ Ả rập kế thừa và ra sức sáng tạo những thành tựu văn minh.

- Năm 1258 Ả rập bị Mông cổ chinh phục, nền văn minh Ả rập tàn lụi.

3- Thành tựu:

a- Đạo Hồi:

+ Đạo Ixlam, tôn giáo của sự thuận tòng tuyệt đối, do Mô ha mét sáng lập

+ Ngoài những điểm tương đồng với các tôn giáo khác: quan niệm về Thiên đường, địa ngục, sự giải thoát, những điều cấm kỵ ... đạo hồi có những điểm rất đặc sắc:

- Kinh Cô ran vừa là Thánh kinh vừa là bộ Bách khoa toàn thư về đất nước Ả Rập gồm 30 quyển với 6236 câu thơ, viết bằng tiếng Ả rập rất trau chuốt, dễ thuộc dễ nhớ, và vì Đạo Hồi được truyền bá rộng rãi nên ngôn ngữ Ả Rập cũng được phổ biến ở những nơi mà đạo Hồi có mặt

- Có Lục tín : năm Đức tin tuyệt đối, không một tín đồ Đạo Hồi nào được phép nghi ngờ điều đó, dù chỉ trong ý nghĩ đã phải tự coi là lỗi đạo(Tin Chân Thánh, Thiên sứ, Sứ giả, Kinh thánh, Tiền định, Kiếp sau).

- Có Ngũ trụ(năm trụ cột của Đạo Hồi):

Niệm : Sahad tâm niệm, khẳng định niềm tin từ trong ý nghĩ, đặc biệt tuyệt đối tin Ala là toàn năng và duy nhất. Tín đồ đạo hồi phải thể hiện đức tin bằng việc thực hiện các quy định khắt khe, hay tự kiểm điểm, tự trừng phạt mình, Thánh chiến chống

tà giáo, chiến đấu vì đức tin...(Ji hat, do đó đôi khi niềm tin và sự trung thành bị khuyếch trương đến cực đoan).

Lễ: (*Sa li at,*) cầu nguyện với những quy định khắt khe năm lần trong một ngày.

Trai: (*Ra ma dan*) ăn chay vào tháng chín lịch Hồi

Khóa : (*Sa ki at*) làm việc bổ thí theo quy định của nhà nước và tự nguyện .

Triều: (*Hajat*) hành hương

Là tôn giáo không thờ ảnh tượng, không hàng giáo phẩm (chỉ có các Imâm xướng lễ), đề cao nam giới do đó có những quy định thể hiện nam tính; để râu dài,) quan niệm âm nhạc và phụ nữ là cấm dỗi nên quy định phụ nữ che mạng khi ra đường và nhạc cụ đơn điệu, không vẽ hình người nhất là phụ nữ...

- Những quy định của đạo Hồi được sử dụng như luật pháp nên những quan hệ trong xã hội Ả rập rất khắt khe...

b- Văn hóa:

- Các thành tựu văn minh Ả rập được xây dựng trên cơ sở kế thừa các thành tựu văn minh Đông – Tây nên rất phong phú, nhưng Ả rập không kế thừa một các rập khuôn mà có sự sáng tạo riêng do đó có nhiều thành tựu nổi bật .

+ **Khoa học:**

Người Hồi giáo quan niệm khám phá khoa học là đang đi trên con đường của Thánh A la, do đó khoa học rất được đề cao.

- Toán học: kế thừa sâu sắc toán học Ấn độ, Hy – La nhưng sáng tạo thêm phép lượng giác, giải phương trình bậc 3, 4

- Vật lý cũng kế thừa sâu sắc các thành tựu Hy – La và Ấn độ, nhưng tập hợp thành công trình chuyên về quang học, đặc biệt thuyết về khúc xạ ánh sáng qua gương cầu lồi lõm.

- Hóa học có các thành tựu: điều chế a xit từ dấm thực vật, chế rượu Rum từ mía, chế tạo nồi chùng nước tinh khiết, đặc biệt ngành giả kim thuật.

- Thiên văn: do đời sống du mục nên người Ả rập có điều kiện quan sát bầu trời, hơn nữa do yêu cầu của việc hành lễ đạo Hồi, nên có rất nhiều thành tựu : Hồ sơ về 5015 ngôi sao, 47 chòm sao, gia thuyết trái đất tròn với chu vi 35 vạn km, mặt trời không phải là trung tâm của vũ trụ, trên trái đất có 7 miền khí hậu.

- Y học: là quốc gia có sự nghiệp y tế tiến tiến nhất thời trung đại: nhiều khoa, bộ môn: tây y, nội khoa, ngoại khoa, dược khoa, dưỡng sinh, tâm lý trị liệu, vật lý trị liệu. Có hệ thống y tế cộng đồng, y tế từ thiện...

- **Văn hóa, Giáo dục** : hết sức tiến bộ và đóng vai trò to lớn trong việc gìn giữ và truyền tải các thành tựu văn hóa Đông –Tây. Với quan niệm giáo dục là để mở rộng tri thức đưa các tín đồ bước trên con đường của Thánh A la, người Ả rập rất coi trọng các nhà khoa học, nhà giáo “ *Mực của các nhà bác học cũng linh thiêng như máu của các chiến binh*”., công việc biên dịch cũng rất được đề cao., đặc biệt Ả rập đã mời rất nhiều nhà bác học, giáo sư phương Tây sang dạy tại các trường đại học(trong bối cảnh văn hóa Tây Âu trong các thế kỷ IX- X bị trì trệ). Vì vậy nền giáo dục Ả rập có những thành tựu vô cùng rực rỡ: hệ thống giáo dục từ tiểu học lên đến đại học, học toàn diện, (giai đoạn đầu rất chú trọng Kinh cô Ran), có nhiều mô hình dạy học, trên đế quốc Ả rập có nhiều trường Đại học lớn giống như các viện đại học: Bat đơ, Coóc đô ba, Cai rô...

b- Văn học và nghệ thuật:

+ **Văn học** :

-Do có sự kế thừa tinh hoa văn học Đông Tây, lại có điều kiện kinh tế hơn nữa chịu ảnh hưởng sâu sắc của tôn giáo nên văn học Ả rập rất đặc sắc.

- Kinh Cô ran là một tác phẩm văn học đồ sộ kết tinh tài hoa trí tuệ người Ả rập, là một công trình đồ sộ về lịch sử Ả rập, trong đó có nhiều câu chuyện dân gian, truyền thuyết, ngụ ngôn...là nguồn cảm hứng dạt dào bất tận cho các nhà văn, nhà thơ, họa sĩ say mê sáng tạo...

- Ngàn lẻ một đêm (thực ra chỉ có 264 câu chuyện) là công trình đồ sộ của biết bao nhiều văn nhân nghệ sĩ, với nhiều thể loại, đề cập đến mọi hạng người, có giá trị giáo dục cao, mặt khác trong tác phẩm còn có thể thấy người Ả rập thả sức cho trí tưởng tượng bay bổng, thoát khỏi những ràng buộc của số phận, nó có mặt trong văn học của nhiều nước cả phương Đông lẫn phương Tây, và là nguồn chất liệu phong phú cho các loại hình sân khấu và nghệ thuật.

+ **Nghệ thuật:**

- Đặc sắc nhất là dệt thảm len, thảm nhung với trung tâm là Ba tư(I ran ngày nay), tuy chỉ trang trí họa tiết hoa văn cây lá và chữ Hồi giáo cách điệu nhưng không thể bắt chước được.

- Hội họa và âm nhạc tuy đơn điệu nhưng cũng có nét riêng nên vẫn rất quyến rũ và hấp dẫn

- Kiến trúc mang đậm chất men tôn giáo: xây dựng theo triết lý Hồi giáo(Vòm củ hành, hình móng ngựa cách điệu, vành trăng lưỡi liềm, triết lý số 4, thoáng đạt, ở trung tâm có nguồn nước...), các công trình Thánh thất, Thánh đường, cung điện , là chủ yếu, rất lộng lẫy, hoàn mỹ đến từng chi tiết.

Bài 3: VĂN MINH HY LẠP – LA MÃ CỔ ĐẠI

1- **Cơ sở hình thành:**

b- Tự nhiên:

+ Hy Lạp và La mã là 2 bán đảo ở phía bắc của biển Địa trung hải,

- Hy Lạp gồm bán đảo Ban căng và vô số đảo trên biển Ê giê, ven biển Tiểu Á, ba mặt giáp biển, nhiều nơi ăn sâu vào đất liền tạo thành răng cưa rất thuận lợi để xây dựng các cảng cho tàu bè tránh bão, ăn hàng

- Bán đảo Ý dài và hẹp với các đảo Cooc , Xac đê nha, Xi xin...lãnh thổ lớn hơn, bờ biển bằng phẳng lại rất thuận lợi cho các chợ ven biển.

Tóm lại hai bán đảo có bờ biển rất thuận lợi cho việc phát triển mậu dịch hàng hải, đồng thời thuận lợi cho việc giao lưu tiếp xúc với các nền văn minh trong khu vực

- Cả Hy Lạp và La mã đều không có những con sông dài và rộng do đó tuy có nhiều đồng bằng nhưng không thuận lợi cho việc trồng lúa mà thuận lợi cho việc trồng các loại cây công nghiệp như nho và ô lưu, hoặc chăn nuôi đại gia súc...nền nông nghiệp sớm phát triển trong quỹ đạo hàng hóa.

- Địa hình hai bán đảo bị chia cắt bởi các dãy núi và cao nguyên, lại có nhiều tài nguyên và khoáng sản, nên nền kinh tế công thương nghiệp là chủ yếu.

Như vậy điều kiện tự nhiên ở hai bán đảo cho phép phát triển một nền kinh tế CTN , nông nghiệp trong quỹ đạo hàng hóa.

c- Cư dân và xã hội:

- Ở Hy Lạp vào cuối thiên kỷ I những nhóm cư dân đầu tiên thuộc ngữ hệ Ấn – Âu, tràn xuống định cư và bắt đầu thành lập các quốc gia thành thị trên khắp bán đảo. Họ tự coi mình là con cháu của thần Hen lát.

- Ở La mã cũng vào khoảng thiên kỷ II, tộc I ta li ốt xuống định cư ở La ti um, Bơ ru ti um (sau này gọi là người La tinh), về sau có các tộc Ê tơ ruxơ, gô loa... Họ tự xem mình là con cháu của thần Rô ma lút.

- Ở Hy Lạp và La mã ngay từ đầu cư dân đã định cư theo yêu cầu kinh tế và địa vực, tạo nên những quốc gia có hạt nhân là một thành thị với các CXNT xung quanh

Khác với các quốc gia cổ đại phương Đông , Hy Lạp – La mã ngay từ đầu đã là những quốc gia thành bang có chế độ chiếm nô rất thành thực: phân hóa xã hội rất sâu sắc...

2- Quá trình lịch sử:

+ Nền văn minh Hy Lạp : Thiên kỷ II (TCN)- năm 30 TCN trải qua các thời kỳ sau:

- + La mã: Thiên kỷ II- 476

3.-Thành tựu văn minh:

a- Trình độ s/x và quản lý nhà nước:

+ Trình độ s/x:

- Các ngành nghề TCN: luyện kim, đóng tàu, gốm, sản xuất vũ khí, khai thác mỏ, làm rượu nho, dầu ô lưu... rất phát đạt, với các công trường có hàng ngàn nô lệ làm việc. Sự thịnh vượng của nền kinh tế CTN là do sức lao động to lớn của nô lệ

- Các đại điền trang rộng lớn trồng nho ô lưu, chăn nuôi đại gia súc...

- Những Hội buôn lớn buôn bán tập nập ven biển và trong biển ĐTH, đến tận Tây á, châu Á , châu Phi xa xôi...

- Bộ máy nhà nước cho dù là hình thức DCCN A ten, CH quý tộc Xpac, hay CH La mã, chế độ Nguyên thủ đều là nhà nước Dân chủ chủ nô.

2- Văn hóa:

+ Chữ viết:

- Từ thời kỳ Cret – mi xen, người Hy Lạp cũng có bộ chữ tượng hình dạng nét của mình với 40 con chữ, viết trên đất sét, chữ gọn gàng, sau đó khi tiếp thu chữ của người Phe ni xi đã giản lược còn 22 con chữ . Đó là công hiến lớn lao của người Hy Lạp.

- Người La mã cũng có chữ viết vào thế kỷ VI (T), khi tiếp xúc với chữ của người Hy Lạp họ vô cùng thích thú, say mê chúng và đã ra sức sáng tạo để cho ta bộ chữ cái La tinh đẹp nhất hiện nay với 26 con chữ mà có thể biểu đạt tất cả mọi điều từ đơn giản đến phức tạp, đáp ứng nhu cầu chữ viết gọn nhẹ, ghi chép thuận tiện trong buôn bán, sang tạo, sáng tác nghệ thuật..... Họ còn sáng tạo ra bộ chữ số La mã... sử dụng trong văn phong khoa học.

- Bộ chữ cái La tinh là nguồn gốc của nhiều ngôn ngữ châu Âu, thậm chí cả châu Á...(Việt nam có bộ chữ với 29 con chữ với 23 chữ cái).

+ Văn học:

Thần thoại: Người Hy Lạp có cả một kho tàng về sự tích các thần, của con người và vũ trụ, sau đó được người La Mã kế thừa sâu sắc. Đó chính là một các giải thích độc đáo về thế giới và con người

- Thần thoại Hy – La sắp xếp theo một trật tự hợp lý từ cao xuống thấp: cao nhất là thần Dớt, các thần có quan hệ ruột thịt với Dớt: vợ(Hê ra), con gái (Ác tê mít: thần săn bắn, Athen na: thần thông thái, An phrôdid: thần sắc đẹp), con trai(Héc quyn, Apôlông), Em trai(Nep tuyn, Ha1det/thần địa ngục), Em gái(Đê mêtê/thần đất)

- Thế giới các thần không khác gì thế giới của con người: ở trên núi Ôlimpơ cao ngất, quan năm rực rỡ nắng vàng với những cỗ xe mây trắng lao như bay suốt ngày đêm từ trên núi xuống chở các thần chu du thiên hạ, các thần cũng yêu cũng ghét cũng giận hờn, cũng đánh nhau

- Thần thoại Hy- La được hư cấu cao độ trên cơ sở các yếu tố hiện thực(Eo Bôxpho, quần đảo Iônia, dải Ngân hà, cây nguyệt quế), trong đó các yếu tố tôn giáo, khoa học, nghệ thuật quyện chặt vào nhau . Chính vì vậy đã trở thành nguồn chất liệu sinh động và nguồn cảm hứng vô tận cho các loại hình nghệ thuật...

- Thần thoại Hy- La vừa có yếu tố dân gian vừa có yếu tố bác học, phản ánh đậm nét xã hội chiếm nô điển hình.

Thơ ca

- Trường ca : Iliát (15863) và Ôđixê(12440) của nhà thơ mù Hôme mở đầu cho nền thi ca cổ đại, là người đầu tiên đưa nghệ thuật kể chuyện bằng thơ lên đến đỉnh cao hoàn thiện, trở thành kiểu mẫu không thể bắt chước được.

- Iliat là trường ca về dũng tướng I li ông, về khát khao chiến thắng của các dũng sĩ thành Tơ roa, với nhiều chi tiết hấp dẫn: con ngựa thành Tơ roa, gót chân Asin, cuộc quyết chiến của Héc to và A sin...

- Ô đi xê là trường ca về các tráng sĩ sau khi thắng trận trở về, nhưng lại bị phiêu dạt lưu lạc đến 10 năm, trong thời gian đó họ trải qua không biết bao nhiêu tai ương, đương đầu với vô vàn gian khổ, khi trở về thật hạnh phúc vì những người vợ thân yêu

vẫn chung thủy đợi chờ. Chuyện thơ có nhiều chi tiết thú vị trong không gian Hy Lạp hóa: đảo người một mắt, người lùn, khổng lồ, mù phù thủy, nàng Pê nê lớp chờ chồng ...

Kịch:

- Người Hy Lạp thích vũ hội hóa trang, hát múa nên thể loại kịch rất phát triển, với các loại Bi, hài kịch và các nhà soạn kịch tiêu biểu: Êt sin, Sô phốc...

cùng hàng trăm vở kịch có giá trị hiện thực và nghệ thuật cao cho đến nay vẫn được diễn trên các sân khấu ở nhiều nước châu Âu: Prô tê mê bị xiềng, Ê đíp làm vua, Chiến tranh Hy- Ba...

Truyện ngụ ngôn cũng rất đặc sắc: Con cáo và chùm nho....

+ Khoa học, triết học:

- Người Hy Lạp là những người đầu tiên nghiên cứu phát minh khoa học một cách có hệ thống và có tính khái quát hóa cao, phát triển những tri thức của loài người lên một bước quan trọng phát biểu thành những định lý, định luật, định đề chặt chẽ... công hiến to lớn cho nền KH của nhân loại... Trong triết học : do phát triển trên những điều kiện vô cùng thuận lợi, nên có nhiều thành tựu rực rỡ, với 2 trường phái đối lập nhau gay gắt lại chia ra nhiều xu hướng khác nhau là nguồn gốc của mọi loại thế giới quan sau này, nhất là khi giao tiếp với triết học phương Đông. Triết học có tính khái quát hóa cao, tổng hợp cao do chủ nô giàu có có điều kiện tách ra để chuyên tâm nghiên cứu, do KH chia nhiều chuyên ngành nên các nhà triết học đồng thời cũng là những nhà KH uyên bác...

- Lĩnh vực KH tự nhiên nào cũng có các nhà bác học uyên bác: *Ta lét* , *Pi ta go*, *Ơ cơ lit*,

- *Ác si mét* , *Arixtot*, *Ptô lê mê* , *Hy pô crat*, *Xê da*, *Hê rô đốt*

Ki tô giáo:

Ki tô giáo của Giê su đã ra đời trong thế kỷ I TCN, khi những mâu thuẫn xã hội hết sức gay gắt, k/n nổ ra khắp nơi, Ki tô giáo còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng triết học Duy tâm khắc kỷ lan tràn khắp La mã lúc đó, Ki tô giáo cũng sử dụng nhiều yếu tố của các tôn giáo địa phương:

Sự hình thành Ki tô giáo là một quá trình lịch sử lâu dài, trên cơ sở những điều kiện nhất định. Trong quá trình ấy, Ki tô giáo đã chọn lọc, cải biên, gạt bỏ những chi tiết địa phương không thích hợp, hoàn thiện để tạo ra những nét phổ quát, đáp ứng xu thế nhất thần, với sự mong mỏi của các dân tộc khác nhau trong đế quốc La mã.

- Những điểm đặc sắc của Ki tô giáo:

Quan niệm về thế giới và con người: Thượng đế có 3 ngôi nhưng là một, đồng đẳng, đồng vinh, đồng quyền, mỗi ngôi có một chức năng riêng. Chúa Trời sáng tạo ra tất cả trong 6 ngày. Đây chính là hệ thống quan điểm về sự van năng của Chúa, sắp xếp vận hành vũ trụ hợp lý, tuyệt đối...

Giáo lý Ki tô cũng nói rằng Chúa trời tạo con người sau cùng nhưng lại từ phần tinh túy nhất của mình là linh hồn, Chúa lại rất ưu ái cho ăn mọi của ngon vật lạ, yêu thương nhất, được che chở, con người là sản phẩm hoàn hảo trong sự sáng thế của chúa, được làm chủ muôn loài,. Con người có 2 phần thể xác và linh hồn, khi chết đi linh hồn con người trở về với Chúa. Ở góc độ này có thể thấy Ki tô giáo mang t/c nhân văn sâu sắc.

Về sự ra đời và công cuộc cứu chuộc của Chúa Giê su: Theo truyền thuyết, Giê su trở về trời với chúa Cha có nghĩa là c/s Thiên đường mới là vĩnh cửu, một ngày nào đó cả thế giới sẽ chết hết. Nhưng chúa lại sống lại sắp xếp Giáo hội để khi ngày đó tới Chúa sẽ xuống trần để có lời phán xét cuối cùng...Điều đó thật hấp dẫn bởi nó gieo vào các tín đồ một niềm tin thiêng liêng vào sự cứu chuộc của Chúa...

Việc Giê su chịu đóng đinh trên giá để cứu các tín đồ thực sự là một thông điệp cao cả về sự hy sinh của chúa, thông điệp kêu gọi con người hy sinh vì đồng loại, thương yêu nhau như Chúa đã yêu thương và hy sinh.

Giáo lý, luật lệ và lễ nghi : có nhiều điểm tích cực góp phần điều chỉnh hành vi đạo đức nhân cách trong cộng đồng Ki tô giáo góp phần xây dựng xã hội ổn định

2.3.3. Nghệ thuật:

Hội họa: những bức tranh cổ Hy- La chủ yếu là bích họa, hay những hình ảnh trang trí trên đồ gốm về những sinh hoạt trong cuộc sống đời thường hoặc về các nhân vật nổi tiếng.

Kiến trúc và điêu khắc thường kết hợp với nhau và thấm đẫm chất thần thoại. Kiến trúc Hy Lạp chủ yếu là các đền thờ với trình độ kỹ thuật cao, thể hiện sức mạnh, sự phồn vinh của xã hội, tỷ lệ cân đối, mềm mại, trang nhã với những hàng cột tròn khía hình múi khế, trên đầu cột có trang trí diềm mũ. Kiến trúc La Mã tiếp thu của Hy Lạp có sự sáng tạo hơn với vòm cuốn bán nguyệt, kết cấu hoàn hảo, và vẫn giữ được vẻ đồ sộ, tráng lệ. Kiến trúc La Mã đậm chất thể tục hơn với những công trình công cộng vĩ đại: sân vận động, đấu trường, chung cư, nhà tắm công cộng...

Điêu khắc Hy Lạp- La Mã được sáng tạo theo nguyên tắc: Thiên nhân đồng hình”, tập trung mô tả vẻ đẹp cả thần linh và con người với những chuẩn mực khó có thể bắt chước được. Điêu khắc Hy Lạp có thể mạnh ở những bức tượng toàn thân: Thần Vệ nữ, người ném đĩa, lực sĩ vác giáo... Điêu khắc La Mã lại có thể mạnh về tượng bán thân đặc tả chân dung, tính cách rất đặc sắc: tượng Xê da, Augusta...

Bài 4. VĂN MINH TÂY ÂU TRUNG ĐẠI

1.-Khái quát về quá trình lịch sử của Tây Âu trung đại

2. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN MINH TÂY ÂU TRUNG ĐẠI

a.. Văn hóa thành thị

+ Sự ra đời của các trường đại học

- Sự thành lập các trường Đại học của thị dân làm cho con người có tư duy và nhận thức mới, dần dần thoát ly khỏi những ảnh hưởng của giáo hội, bắt đầu có ý thức

khám phá văn hóa Hy – La, từ đó bắt đầu có những thành tựu khoa học, sáng tạo nghệ thuật mới, ra nó còn kích thích sự khám phá học hỏi

+ Văn học thành thị:

+ Kiến trúc thành thị:

Với những thành tựu mới, văn hóa thành thị được xem là bước tiến mới của của văn hóa Tây Âu, cầu nối dẫn đến Văn hóa phục hưng.

b. Văn hóa phục hưng:

***. Nguồn gốc**

- Giai cấp tư sản cũng không thỏa mãn với nền văn hóa bị thần học khống chế, nó muốn xây dựng cho mình hệ tư tưởng riêng. Đồng thời nó cũng đã tìm thấy trong nền văn hóa Hy- La những giá trị tốt đẹp có lợi cho mình để đấu tranh chống lại chế độ phong kiến nhà thờ và giáo hội.

- Phong trào VHPH diễn ra trong bối cảnh châu Âu có nhiều biến động lớn lao: những tiến bộ về khoa học kỹ thuật, các cuộc phát kiến mở rộng tầm nhìn...những cuộc đấu tranh của các tầng lớp xã hội làm hậu thuẫn, chính quyền phong kiến tạm thời liên minh với tư sản đã cho phép một số thành thị tự trị, ...

- Sau khi thành Công xtăng ti nốp bị phá hủy, nhiều nhà bác học đã trở về châu Âu, nhất là Ý mang theo một khối lượng đồ sộ các nguyên tác khoa học, văn học, triết học cổ Hy – La(600 bản chép tay, 12 vở kịch...) khiến cho người châu Âu vô cùng sửng sốt kinh ngạc, làm dấy lên một phong trào khám phá sôi nổi...

- Phong trào có được những Mạnh thường quân tài trợ: nhà giàu, chính quyền thành phố, thậm chí Giáo hoàng La mã...

- Phong trào mở đầu ở Ý vì nơi đây có nền kinh tế tư bản phát triển hơn cả, và có nhiều thành thị tự trị nhất ...sau đó lan rộng ra cả châu Âu.

*** Nội dung**

+ **Văn học phục hưng:**

- **Văn học** phục hưng nổi bật với: Đan tê(Ý) , Bô ca xi ô, Era xmút, Ra bơ le . Tác giả sáng chói nhất trong nền văn hóa phục hưng là Xéc van téc với tác phẩm *Đôn ki hô tê* bằng tiếng Tây Ban Nha, tác phẩm của ông chứa đựng nhiều thông điệp lớn của thời đại, có tính chất tư sản, dân tộc và nhân văn sâu sắc nhất...

- Nhà soạn kịch vĩ đại nhất là Sếch xpia được mệnh danh kịch gia của mọi thời đại. Các vở kịch của ông vừa mang tính chất bi kịch vừa hài kịch, tràn đầy sức sống. Ông đưa lên sân khấu đủ mọi hạng người với mọi sắc thái cung bậc tình cảm. Đặc biệt ông đã phát hiện ra sự phá hoại ghê gớm của đồng tiền mặc dù nó mới ra đời(sau này được Mác và Ăng ghen đánh giá rất cao).

Như vậy Văn học phục hưng tuy vẫn mượn đề tài chất liệu thần thoại tôn giáo nhưng nó đã được phát triển trên một tầm cao mới, mang t/c nhân văn dân chủ sâu sắc:

- Đề cao khát vọng của con người, tự do cá nhân, những phẩm chất tốt đẹp của con người, sự hưởng thụ ngay trên trần thế. Đả kích sâu cay nhà thờ và giáo hội. Ca ngợi vẻ đẹp của quê hương đất nước, đề cao văn hóa ngôn ngữ dân tộc

- Bút pháp thể hiện mới: những nhân vật bình dân(chủ yếu là tư sản) tuy vẫn ở tuyến thứ hai, nhưng họ lại đại diện cho chính nghĩa và công lý, cái đẹp do đó phải xứng đáng là chủ nhân của xã hội.

+ - Nghệ thuật:

+ Những đại biểu tiêu biểu:

- Mi ken lănggiơ: nhà điêu khắc, họa sĩ, kiến trúc sư vĩ đại, với thiên tài của mình ông đã đưa điêu khắc phục hưng đến tuyệt đỉnh. Những pho tượng của ông lấy chủ đề từ tôn giáo, nhưng khỏe mạnh cường tráng và chứa đựng tinh thần đấu tranh, hoặc thấm đẫm tính nhân văn sâu sắc : Tượng Đa vít, Pi ét ta, Pho tượng Bóng đêm. Tranh của ông cũng là những tác phẩm tuyệt tác: Sáng thế, Ngày phán xét cuối cùng, Chúa tạo ra A đam... Công trình kiến trúc nổi tiếng nhất của Ông là nhà thờ Thánh Pie.

- Lê ô na đơ vanh xi: am hiểu nhiều lĩnh vực, ông có bức tranh rất nổi tiếng; La giô công, đức mẹ lit ta, Lê da,

- Ra Pha en là họa sĩ có phong cách mềm mại, các bức tranh của ông đều toát lên vẻ đẹp bình dị: Đức mẹ của đại công tước, Đức mẹ đồng trinh và Chúa hài đồng, Trường học A ten, Đức mẹ Xích tin..

- Bô ti xe li lại có thể mạnh về những bức tranh vẽ các thiếu nữ trong khung cảnh thiên nhiên : bức Mùa xuân, Ngày sinh Thần vệ nữ...

+ Đặc điểm của nghệ thuật phục hưng:

- Trong Hội họa vẫn mượn chủ đề thần thoại, tôn giáo, nhưng tính thế tục đã vượt qua tôn giáo, chất liệu và bút pháp mới; màu sơn dầu, gợi tả theo luật phối cảnh ánh sáng xa gần...với những am hiểu sâu sắc của các họa sĩ về cơ thể học, nội tâm tính cách...

- Điều khắc thể hiện trên chất liệu có tính thẩm mỹ cao, vĩnh hằng, lấy con người là trung tâm, thể hiện sự giàu có và trình độ thẩm mỹ cao của thi dân, chất liệu vĩnh hằng.

- Kiến trúc mang hơi thở của thời đại, chất liệu mới, pha trộn phong cách Hy-La ,Gót...

Bài 5. VĂN MINH LOÀI NGƯỜI THỜI CẬN ĐẠI

I – Những điều kiện ra đời của nền văn minh công nghiệp

1- Các cuộc phát kiến địa lý đối với sự ra đời của nền VMCN

2- Cách mạng tư sản đối với sự ra đời của nền văn minh công nghiệp

a- Khái quát về cách mạng tư sản:

+ Nguyên nhân dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản:

- Nguyên nhân sâu xa về kinh tế chính là mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất mới đang lên với quan hệ sản xuất cũ lỗi thời lạc hậu kìm hãm. Nguyên nhân trực tiếp là sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ phong kiến đã tạo ra những tiền đề

chín mươi , dẫn đến xuất hiện tình thế cách mạng làm bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản.

+ *Mục tiêu, nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản:*

- Các cuộc cách mạng tư sản hướng tới mục tiêu lật đổ chế độ phong kiến xác lập chế độ tư bản, đưa giai cấp tư sản lên nắm chính quyền, xác lập chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất, tuyên bố các quyền tự do dân chủ

+ *Lãnh đạo :*

Cách mạng tư sản thông thường do giai cấp tư sản lãnh đạo,

b- Một số cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu:

+ *Cách mạng tư sản Anh(1640-1689).*

+ *Cách mạng tư sản Mỹ(1775-1783)*

+ *Cách mạng tư sản Pháp (1789-1799).*

c- Vai trò của cách mạng tư sản đối với sự ra đời

của nền Văn minh công nghiệp

+ CMTS diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau vô cùng gay go và quyết liệt đã lật đổ chế độ phong kiến xác lập các quốc gia dân tộc tư sản , xác lập địa vị của CNTB trên phạm vi thế giới. Đưa loài người tiến bước vào một nền văn minh mới: văn minh công nghiệp.

+ Cách mạng tư sản đã thiết lập thể chế Dân chủ tư sản với những nguyên tắc, thể chế tiến bộ, dân chủ, ưu việt hơn hẳn chế độ phong kiến. Những thành quả dân chủ ấy còn là cơ sở để sau này g/c vô sản kế thừa xây dựng nền Dân chủ vô sản.

+ Cách mạng tư sản đã để lại những văn kiện nổi tiếng đó là các bản Tuyên ngôn (tuyên ngôn Độc lập của Mỹ, tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp) và các bản Hiến pháp của Mỹ, của Pháp..., những văn kiện ấy đã trở thành những tài sản quý giá trong kho tàng văn minh văn hóa của loài người.

+ Cách mạng tư sản đã tạo lập môi trường chính trị thuận lợi cho việc tiến hành cách mạng công nghiệp, góp phần chiến thắng tuyệt đối chế độ phong kiến.

- CMCN bắt đầu từ nước Anh giữa thế kỷ XVIII(bởi vì chỉ có nước Anh lúc đó mới có đủ những đ/k tiến hành CMCN), sau đó diễn ra với nhịp độ hết sức khẩn trương ở tất cả các nước tư bản. Thắng lợi của CMCN đã xây dựng được một nền tảng v/c to lớn cho CNTB: nền Đại công nghiệp cơ khí hóa.

- Những thắng lợi trên lĩnh vực chính trị và trên lĩnh vực kinh tế đã đưa g/c tư sản đi đến chiến thắng tuyệt đối g/c phong kiến.

- CMCN tạo ra một nền tảng v/c to lớn cho xã hội, do đó đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của KHKT, VHNT, trên cơ sở đó lịch sử loài người đã bước sang một một thời đại văn minh mới

+ Gắn với các cuộc CMTS là những lãnh tụ kiệt xuất của g/c tư sản, linh hồn của các cuộc cách mạng, mà khi thời đại CMTS càng lùi xa, vai trò và đóng góp của họ càng được nhận diện chân xác hơn: Ô li vơ Crôm oen(linh hồn của CM Anh), Gioóc Oa sinh ton được mệnh danh Quốc phụ của Mỹ, Rô bet xpie, người được mệnh danh là vì sao sáng nhất trên bầu trời đầy sao của CM Pháp.

+ Tuy nhiên suy cho cùng thì CMTS chỉ dẫn đến sự thay thế giai cấp bóc lột và chế độ bóc lột mà thôi, do đó trên con đường phát triển CNTB đã bộc lộ những khuyết tật, vì thế sớm hay muộn nó sẽ bị thay thế, và CMTS chưa phải là cuộc cách mạng cuối cùng trong lịch sử.

II- Những thành tựu của nền văn minh công nghiệp :

1- Những tiến bộ về kỹ thuật, khoa học:

a- Những tiến bộ về kỹ thuật

+ Cách mạng công nghiệp :

- Cách mạng công nghiệp bắt đầu ở nước Anh từ giữa thế kỷ XVIII, do nước Anh có đầy đủ những điều kiện thuận lợi về vốn, nguồn nhân công, tài nguyên khoáng sản cần thiết và có những yếu tố thuận lợi khác.

- Cách mạng công nghiệp Anh bắt đầu từ những cải tiến trong lĩnh vực dệt vải bông. Đầu tiên đó là việc phát minh ra con thoi bay của Giôn cây năm 1733, tiếp đến phát minh ra máy kéo sợi Gien ny(kéo được 6-8 sợi), nhưng sợi mảnh mà không bền. Ri sác Ác rai đã cải tiến máy kéo sợi, cho ra chiếc máy kéo ra sợi bền nhưng còn thô. Cuối cùng Xa mu en Crom ton kết hợp tính năng vượt trội của cả hai phát minh trên đã chế tạo ra máy kéo sợi Mu le, với sợi bền và mịn. Et môn Các rai tơ là người đầu tiên xây dựng nhà máy dệt với hàng chục công nhân làm việc, tuy nhiên nhà máy của ông vẫn sử dụng sức nước nên có nhiều hạn chế do mùa đông các dòng sông ở phía bắc nước Anh thường đóng băng.

- Do nhu cầu của việc xây dựng nhà máy dệt, nhằm tránh phụ thuộc quá nhiều vào thiên nhiên, và do yêu cầu thay thế lao động thủ công, giảm bớt nặng nhọc cho con người, đã dẫn đến một phát minh cực kỳ quan trọng của Giem Oát: Máy hơi nước kép có công suất 20 mã lực, làm thay đổi hẳn cách thức lao động của loài người. Ngay sau đó máy hơi nước đã mở ra một cuộc cách mạng thực sự trên nhiều lĩnh vực: dệt, giao thông vận tải (năm 1807 Rô bốt Phơn ton hạ thủy chiếc tàu chạy bằng hơi nước đầu tiên, năm 1814 Xti phen xơn khánh thành tàu hỏa chạy bằng hơi nước đầu tiên), sản xuất máy công cụ(máy bào, máy tiện, may phay...), kỹ thuật luyện kim của Abra ham Đác bi, Coóc và Ô ni ơn với phương pháp Pút đinh... Đến năm 1851, nước Anh đã tổ chức triển lãm các thành tựu khoa học kỹ thuật của mình và từng bước trở thành công xưởng của thế giới, vươn lên vị trí độc quyền về công nghiệp, đứng số 1 trong nền kinh tế thế giới tư bản.

- Sau nước Anh CMCN lan rộng sang các nước khác : Đức, Mỹ và Pháp khoảng những năm 30-40 của thế kỷ XIX, Nga, Nhật khoảng năm 60 của thế kỷ XIX, tuy nhiên các nước đi sau chỉ non nửa thế kỷ đã bước vào giai đoạn hoàn thành, và sau đó

tiến rất nhanh, thậm chí vượt qua cả nước Anh, phá vỡ địa vị độc quyền về công nghiệp của Anh.

+ Những tiến bộ về các lĩnh vực khác:

- Kỹ thuật luyện kim của Bet xơ me, Mác tanh(Giữa thế kỷ XIX), Động cơ Đi ê zen(của nhà phát minh Đi ê zen người Đức).
- CN điện: phát minh ra pin Vôn ta(1799), pin khô(1800), bóng đèn điện (Ê đi xơn- 1884), bóng nê ông(Clau đơ -1898), ra đi ô(Pô pốp)....
- Thông tin liên lạc: liên lạc bằng tín hiệu Móoc (Móoc xơ-1837), liên lạc bằng cáp ngầm xuyên Đại dương từ Mỹ qua châu Âu năm 1858 , máy điện thoại Ben(1876),
- Giao thông vận tải: Ô tô của Ben(1885), của Hen ry Pho(1898), máy bay thử nghiệm của anh em nhà O vơ rai(1903),
- Quân sự: các loại súng, đại bác, thuốc nổ, tàu ngầm, tàu chiến, xe tăng, thiết giáp, máy bay, ra đời nhanh chóng

c- Những tiến bộ về khoa học

+ Tự nhiên:

- Toán học có nhà toán học Lép zích với phép tính vi phân, tích phân, Cô va lép xcai a về hình học không gian....
- Trong lĩnh vực vật lý có rất nhiều thành tựu: nguyên lý cảm ứng điện từ(Pha ra đây), thuyết điện tử của Tôm xơn, tia Rơn ghen của nhà bác học Rơn ghen(Đức), thuyết tương đối (Anh xtanh/ Đức/, Phát minh ra tính phóng xạ của Ura ni um của Béc cơ ren, và của vợ chồng nhà bác học Pie quy ri, Niu tơn, Lơ mô nô xốp...
- Lĩnh vực hóa học có : bảng tuần hoàn các nguyên tố của Men đê lê ép, chế tạo thuốc nổ của An phrết nô ben...
- Trong y học có phát minh của Lui Paxtơ người Pháp về Vắc xin, phát hiện ra Vi trùng lao của Rô bốt Cốc(người Đức), ...

- Trong lĩnh vực sinh học có Thuyết về Nhiễm sắc thể của Men đen, thuyết tế bào Puốc kin giơ, Mit su rin, Páp lớp.

+ Xã hội:

- Học thuyết về lịch sử: Ghi đô, Chi e ri, Mai ne.

- Học thuyết Triết học cổ điển Đức: với các đại biểu xuất sắc: Hê ghen và Pho bách

- Học thuyết Kinh tế chính trị học Anh: A đam xmit và Ri các đô.

- Học thuyết Mác do Các Mác và Phri đrich Ăng Ghen soạn thảo.

C-Vai trò của khoa học và kỹ thuật đối với sự phát triển VMCN

- Những tiến bộ của KHKT đã làm thay đổi hẳn cách thức lao động, năng suất lao động tăng lên chưa từng thấy, với khối lượng của cải đồ sộ bằng nhiều thế kỷ trước cộng lại.

- Xuất hiện quy tắc mới của nền sản xuất thay đổi, địa lý kinh tế thay đổi...

- Nếp sống sinh hoạt, ứng xử trong cuộc sống hàng ngày, cơ cấu giai cấp trong xã hội cũng thay đổi căn bản. Đáng lưu ý nhất là sự ra đời của vô sản công nghiệp và những cuộc đấu tranh đầu tiên của họ .

- Quan hệ quốc tế cũng thay đổi nhanh chóng: giao lưu rộng mở giữa các vùng có thể xóa bớt ngăn cách, khác biệt về trình độ phát triển, quan hệ giữa các nước chuyển theo hướng đa dạng, đa phương, quan hệ hợp tác, đối tác là chủ yếu, giảm đối đầu, song phương... Đặc biệt nó cũng làm xuất hiện một nét mới trong quan hệ quốc tế đó là quan hệ ngoại giao áp đặt bành trướng, bá quyền nước lớn, xâm lược của các nước lớn với các nước nhỏ yếu .

- Những tiến bộ của KH và KT cũng dẫn đến những mặt trái vô cùng nguy hiểm đe dọa cuộc sống của loài người: nạn ô nhiễm môi trường, việc khai thác cạn kiệt thiên nhiên, việc sử dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật(đặc biệt về quân sự) với mục đích phi hòa bình.

2- Văn học và nghệ thuật:

+ Văn học :

- Dòng Văn học Ánh sáng nửa đầu thế kỷ XVIII mang tính chất phản phong sâu sắc, có các đại biểu tiêu biểu: Mông texkiơ, Đi đơ rô, Vôn te
- Dòng Văn học lãng mạn nửa sau thế kỷ XVIII- đầu thế kỷ XIX, phản ánh xã hội tư bản vừa mới hình thành, nhưng trong lòng nó dấu vết chế độ phong kiến vẫn còn tồn tại, những tầng lớp trong xã hội vẫn còn mang tính chất giao thời, do đó văn học đã cố gắng mô tả những tâm trạng khác nhau của những lớp người trong xã hội. Những đại biểu xuất sắc: Vich to Huy gô(*Nhà thờ Đức bà Pa ri, những người khốn khổ*), La mác tin(*Uy lực của Đạo Cơ đốc*), Vi nhi(*cái chết của con chó sói*), Grim(*truyện cổ Grim*)...
- Dòng Văn học hiện thực, nảy sinh cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, khi CNTB đã hoàn thiện, và bộc lộ đầy đủ những mặt trái của nó, văn học đã khắc họa những nhân vật điển hình của xã hội với đủ mọi hạng người với những tính cách đa dạng và điển hình. Những đại biểu tiêu biểu: Ban zắc với *Tấn trò đời*, Xtăng đan với *Đỏ và đen*, Thác cơ ren với *Hội chợ phù hoa*, Sin lơ với *Ám mưu và tình yêu*, Gớt với *Phao xơ*, Mắc xim gooc ki với *Người Mẹ*, *Trái tim Đan cô*, *Bài ca chim báo bão*, Lép tôn xtôi với *Chiến tranh và hòa bình*, *Đoàn Di gan lên trời*, Giắc Lơn đơn với *Tình yêu cuộc sống và Tiếng gọi nơi hoang dã*, Lỗ Tấn với *AQ chính truyện*, *Thuốc*, Ra bin đơ nat Ta go với *Mây và mặt trời*....
- Dòng Văn học Công xã Pa ri tuy tồn tại rất ngắn ngủi nhưng đã làm nên những kỳ tích: khai sinh ra một dòng văn học mới, văn học Cách mạng với những nhà thơ, nhà văn vừa là chiến sĩ,

+ Nghệ thuật:

- Âm nhạc: với những Thiên tài : Mô da(*Áo*), Bét thô ven , Bách (*Đức*), Sô panh(*Ba lan*), Trai côp xki(*Nga*), Hội họa cũng phát triển theo hai xu hướng lãng mạn và hiện thực với những họa sĩ bậc thầy: Gôi a(*Tây ban nha*), Đơ cla roa, Cuốc bê(*Pháp*), Van

Gốc(*Hà Lan*), Pi casso,(*Tây ban nha*), Rơ noa(*Pháp*).....Kiến trúc và điêu khắc với những công trình hài hòa của các phong cách Đông –Tây, thể hiện sức mạnh của thời đại mới: hoặc kỷ niệm những chiến thắng của giai cấp tư sản đang lên : các tòa nhà Quốc hội ở các nước, cổng Khải hoàn môn, cột đồng Văng đôm (ở Pháp), Tượng Thần tự do, Tháp Ép phen, cung Thủy tinh ở Luân đôn, Kênh đào Pa na ma, Xuy ê,

Chương 5: VĂN MINH LOÀI NGƯỜI THẾ KỶ XX

5.1-Những đặc điểm lịch sử

5.1.1. Sự ra đời của nền văn minh xã hội chủ nghĩa:

- Loài người trong thời kỳ cận đại, tự hào với những thành tựu vô cùng rực rỡ về khoa học và kỹ thuật của nền văn minh công nghiệp(văn minh Tư bản chủ nghĩa), như Mác và Ang Ghen đánh giá “đây là thời kỳ loài người lướt như bay trên đôi hải bầy dậm với những con người khổng lồ và những phát minh khổng lồ”, nhưng nền văn minh tư bản vẫn còn chế độ người bóc lột người, chính vì thế loài người còn phải tiếp tục sáng tạo và đấu tranh để đi tới một nền văn minh thực sự đúng nghĩa không còn áp bức.
- Đầu thế kỷ XX, với cách mạng Tháng Mười Nga thành công, nền văn minh XHCN đã ra đời, đó thực sự là hiện thực của những khát khao của cả loài người tiến bộ, kết quả đấu tranh vì nhân văn dân chủ của con người từ thời cổ đại.
- Nền văn minh mới mà nước Nga là đại diện tiêu biểu thực sự đã mở ra một kỷ nguyên mới cho loài người với những thành tựu vô cùng rực rỡ.
- Một nhà nước không còn áp bức bóc lột - nhà nước XHCN đầu tiên trên trái đất, khuôn mẫu cho nhân dân các nước đang đấu tranh vì hòa bình dân chủ và CNXH vươn tới.
- Nước Nga đã đạt được những thành tựu thật đáng kinh ngạc trên mọi lĩnh vực: từ một nước nghèo nàn lạc hậu đến thập kỷ 70/XX tổng sản phẩm công nghiệp chỉ đứng sau Mỹ, có đến 1/2 tổng số các phát minh khoa học và kỹ thuật của thế giới, năm 1937 đã thanh toán nạn mù chữ, năm 1954 có nhà máy điện nguyên tử đầu tiên, năm 1957 phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên, năm 1961 là quốc gia đầu tiên chinh

phục mặt trăng. Nước Nga xô viết cũng khai sinh nền văn học, nghệ thuật Xô viết - nền văn học nghệ thuật XHCN sáng ngời lý tưởng anh hùng cách mạng, thấm đẫm tinh thần nhân đạo XHCN sâu sắc.

- Sự hình thành và phát triển của nền văn minh XHCN, khởi đầu từ nước Nga, dù trải qua nhiều thăng trầm, nhưng nó thực sự đã để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử phát triển của xã hội loài người.

5.1.2. Chiến tranh thế giới và sự phá hoại văn minh nhân loại

a- Chiến tranh thế giới thứ nhất(1914-1918)

b- Chiến tranh thế giới thứ hai(1939-1945).

Tự học có hướng dẫn

5.1.3.Những thành tựu tiêu biểu

+ Lĩnh vực khoa học công nghệ:

- Chế tạo công cụ lao động mới : máy tính điện tử (ra đời đầu tiên năm 1946 đến nay đã trải qua 4 thế hệ) dùng để tính toán, thiết kế các lò phản ứng hạt nhân, quỹ đạo bay của các vệ tinh, điều khiển các trạm vũ trụ...trên cơ sở đó người ta còn chế tạo máy chơi cờ tự động, sáng tác nhạc, xem bói, chế tạo Rô bốt đầu tiên năm 1869 Mỹ)...

- Chế tạo các phương tiện vận tải siêu tốc: máy bay chở khách, tàu hỏa...

- Sử dụng nguồn năng lượng mới: năng lượng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt,

- Tạo ra những vật liệu mới: vật liệu Com po zit, Gốm kỹ thuật, vật liệu siêu dẫn...

- Kỹ thuật Laser, sợi quang học....

- Công nghệ sinh học có những bước tiến nhảy vọt ở 4 lĩnh vực; Công nghệ di truyền, CN tế bào, CN vi sinh và CN Enzyme...

Thế kỷ thứ 20 trước hết là thế kỷ của Kỹ thuật, với 12 phát minh vĩ đại nhất:

1/ *Phát minh ra Máy bay*: Năm 1903 anh em Rait tiến hành thành công chuyến bay đầu tiên trong lịch sử nhân loại trên thiết bị bay có gắn động cơ do họ sáng chế. Năm

1930, một kỹ sư người Anh Ph. Watl đăng ký phát minh ra động cơ phản lực. Chín năm sau, hãng Heinkel của Đức chế tạo thành công những chiếc máy bay khổng lồ có thể chứa được tới 700 hành khách. Cải tiến máy bay dân dụng siêu tốc Concorde và ý tưởng viễn vông nhất là lắp cánh cho xe hơi .

2/ *Phát minh Vô tuyến truyền hình*: Năm 1923 Kỹ sư người Scotland, J. Berd đăng ký phát minh ra chiếc máy có khả năng dệt hình ảnh nhận từ những tính hiệu điện từ mà sau này chúng ta gọi là Máy vô tuyến truyền hình, Năm 1932 Hãng BBC của Anh bắt đầu phát các chương trình truyền hình thường kỳ. Ngày nay sóng hình có thể đạt tới mọi nơi trên trái đất qua trạm chuyển tiếp , cáp truyền hình hoặc là vệ tinh .

3/ *Phát minh Phản ứng nhiệt hạch*: Kỹ nguyên nguyên tử mở ra năm 1942 bởi thành công của một nhóm nhà bác học Đại học Chicago trong việc nghiên cứu sự phân chia nguyên tử, nguyên tố phóng xạ. Ba năm sau, quả bom nguyên tử đầu tiên được thử nghiệm. Một tháng sau nữa, hai quả bom nguyên tử được ném xuống Hiroshima và Nagasaki. Trong thời gian chiến tranh lạnh, vũ khí nguyên tử là cốt lõi của sức mạnh quân sự của hai siêu cường quốc Liên Xô và Mỹ. Ngày nay năng lượng nguyên tử được sử dụng chủ yếu vào mục đích hoà bình .

4/-*Máy tính*: Chiếc máy tính điện cơ đầu tiên được sáng tạo ra năm 1943 để dò mở mã khoá của bọn phát xít Đức, những phát minh tiếp theo làm cho hoạt động của máy tính hoạt động nhanh hơn hàng vạn lần. Transitor (1947) microprocessor (1970) làm tăng tốc độ tính toán đĩa cứng năm 1956 -Modem năm (1980), con chuột năm 1983, làm tăng tốc độ nạp liệu, tương lai nhân loại thuộc về máy tính. Những ý tưởng đang được thực hiện là máy tính tí hon có thể đeo như đồng hồ tay và máy tính gắn vào tủ lạnh để nhắc nhở bà chủ là thức ăn trong tủ đã hết, cần phải đến siêu thị ngay .

5/ *Phát minh Peniciline*: Thần dược của thế kỷ thế 20 được tạo ra năm 1928 bởi nhà nghiên cứu người Scotland A .Fleming ông phát hiện ra một loại mốc tiêu diệt các loài vi khuẩn xung quanh chúng. Mười năm sau một nhóm bác học người Anh tìm ra phương pháp làm sạch chế phẩm từ loại mốc này, Năm 1943 những viên kháng sinh

Peniciline đầu tiên được ứng dụng rộng rãi trong y học và cứu sống không biết bao nhiêu sinh mạng .

6/ *Phát minh Thuốc tránh thai*: BS người Mỹ G.Pincus sáng tạo ra những viên thuốc này đầu tiên vào năm 1954. Phát minh của ông đã tạo ra một cuộc cách mạng thực sự trong xã hội. Giờ đây người phụ nữ có thể hoàn toàn kiểm soát được việc sinh nở của mình, tạo điều kiện cho họ chủ động trong công tác và nâng cao vai trò xã hội của nữ giới .

7/ *Phát minh ADN*: Ngày 28 tháng 2 năm 1953 nhà bác học người Anh Cric tuyên bố " tôi đã tìm ra bí mật của sự sống ", quả vậy ông cùng với nhà bác học người Mỹ J Watson vừa khám phá ra rằng, phân tử ADN mang trong mình những thông tin di truyền. Việc phát hiện ra mã gen của người động vật và thực vật đã tạo ra những thành công to lớn trong y học và Nông học, hình thành cả một bộ môn khoa học mới đã trở thành mũi nhọn cho thế kỷ sau nhất là giờ đây, bản đồ gen người đã được thiết lập - Một thành công vĩ đại nhất cho chính con người .

8/ *Phát minh LASER*: Ý tưởng về Laser được Einstein đưa ra từ năm 1917 nhưng phải đến 40 năm sau mới được G.Guld - Đại học Columbia Mỹ -biến thành hiện thực. Tiếp theo Guld đã lao vào cuộc chiến 30 năm dành bản quyền phát minh của mình. Trong khi đ , Laser đã nhanh chóng được ứng dụng rộng rãi từ việc hàn xì đến Y học, máy tính và Video .

9/ *Phát minh Cấy ghép bộ phận cơ thể*: Chuyện huyền tưởng ấy trở thành hiện thực lần đầu tiên vào năm 1967 khi bác sĩ người Nam Phi C.Barnard cấy ghép thành công trái tim của một người mới chết cho người khác. Sau đó Y học lần lượt thành công trong việc ghép tay, tủy, da, buồng trứng, Giờ đây các bác sĩ đang hy vọng ghép tế bào não để chữa bệnh đãng trí cho người già như đã thay thế cho một số bộ phận của động vật cho người bệnh .

10/ *Phát minh ra kỹ thuật Sinh con trong ống nghiệm*: Cô bé đầu tiên được sinh ra trong ống nghiệm là Liza Braun nay đã 25 tuổi. Thành công này của y học đã mang lại

hạnh phúc cho biết bao gia đình hiếm hoi và góp phần không nhỏ trong việc giải phóng phụ nữ

11/ Phát minh khám phá vũ trụ: Năm 1957, kỷ nguyên vũ trụ mở ra khi vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Liên Xô được phóng lên Quỹ đạo. Bốn năm sau, Gagarin bay vào vũ trụ, Tám năm sau ba nhà nữ du hành Mỹ đổ bộ lên mặt trăng. Giờ đây các vệ tinh được sử dụng rộng rãi để chuyển tiếp điện thoại, truyền hình, dự báo thời tiết, nghiên cứu khoa học và trinh sát .

12/ Phát minh INTERNET : Năm 1969, lần đầu tiên trong lịch sử loài người, các dữ liệu thông tin được truyền tải giữa hai máy tính cách nhau hàng ngàn dặm. Hai mươi năm sau thí nghiệm này của lâu năm gốc trở thành thành tựu văn hoá của xã hội toàn thế giới. Hiện tại đang có hàng trăm triệu người sử dụng Internet, đến năm 2003 con số này vượt 1 tỷ người. Đó là 12 phát minh khoa học lớn nhất thế kỷ 20.

Thật khó mà liệt kê ra một danh sách đầy đủ thật cũng. Loài người chúng ta có quyền tự hào rằng mình đã sử dụng một thế kỷ không hề uổng phí và đã tạo ra một bộ phận vững chắc để đi vào thế kỷ 21 .